



PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC TÁC GIẢ CÓ SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI KHOA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CẤP BỘ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
1	Nhóm tác giả: 1. Ông Phan Tuấn Hùng, Vụ trưởng. 2. Bà Hà Thu Trang, Phó Vụ trưởng. Vụ Pháp chế.	Xây dựng Quy chế số 384/QĐ-BNNMT ngày 12/3/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và chất vấn của đại biểu Quốc hội gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng Việc xây dựng, ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri và chất vấn của Đại biểu Quốc hội gửi đến Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã giúp các đơn vị thuộc Bộ, Lãnh đạo Bộ áp dụng thống nhất, đồng bộ, góp phần bảo đảm tiến độ, chất lượng công tác này, nhất là trong bối cảnh Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hợp nhất. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Bà Phạm Thị Huế, chuyên viên Vụ Pháp chế	Tham gia xây dựng nội dung giải thích từ ngữ; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; tiếp cận nguồn gen; quản lý sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen và sinh vật chỉnh sửa gen tại Luật số 146/2025/QH sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Hiệu quả áp dụng - Nhằm sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Đa dạng sinh học để thực hiện chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy; tổ chức chính quyền 02 cấp; phân cấp, phân quyền; đơn giản hóa thủ tục hành chính; cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh và giải quyết các “điểm nghẽn” do quy định của pháp luật, vấn đề cấp bách, phát sinh từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Góp phần giảm chi phí cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư kinh doanh. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
3	Nhóm tác giả: 1. Bà Nguyễn Thị Mai Hiền, Phó Vụ trưởng.	Tham gia xây dựng Thông tư số 01/2025/TT-BNNPTNT ngày 18/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do	Hiệu quả áp dụng - Giúp các tổ chức, cá nhân áp dụng văn bản một cách đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo, đảm bảo phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và thuận

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	2. Bà Đỗ Thị Hương, Chuyên viên chính. Vụ Pháp chế.	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành	lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Phục vụ trực tiếp cho hoạt động công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực hằng năm của Bộ, đồng thời hỗ trợ việc xây dựng báo cáo gửi Bộ Tư pháp, Chính phủ về tình hình và kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là ngành Nông nghiệp và Môi trường)
4	Nhóm tác giả: 1. Bà Bùi Thị Minh Thủy, Phó Vụ trưởng. 2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Chuyên viên. Vụ Pháp chế	Chủ trì, xây dựng Quy chế công tác pháp chế của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tại Quyết định số 4479/QĐ-BNNMT ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng - Quy chế công tác pháp chế của Bộ Nông nghiệp và Môi trường được ban hành đã tạo lập khuôn khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc tổ chức, triển khai công tác pháp chế trong toàn Bộ về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; hợp nhất, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	Bà Lê Thị Hải Vân, Chuyên viên chính Vụ Pháp chế	Tham gia xây dựng nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi được quy định tại Điều 13 của Luật 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Hiệu quả áp dụng - Xác định rõ những nội dung, quy định để triển khai chính quyền địa phương 02 cấp. - Phân quyền về thực hiện thủ tục hành chính cho địa phương, đảm bảo đúng chủ trương “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, xây dựng chính quyền cấp xã tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, phục vụ kịp thời lợi ích thiết thực của Nhân dân, cắt giảm chi phí. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
6	Nhóm tác giả: 1. Ông Hoàng Trường Sơn, Phó Vụ trưởng. 2. Bà Phạm Thị Tình, Chuyên viên chính. Vụ Pháp chế.	Tham mưu xây dựng Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Hiệu quả áp dụng - Góp phần hoàn thiện quy định pháp lý về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực thủy sản theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đồng thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn. - Giảm chi phí tuân thủ pháp luật, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản. - Góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, ổn định, thúc đẩy thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản Việt Nam. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
7	Bà Phạm Thị Tình, Chuyên viên chính Vụ Pháp chế	1. Tham gia xây dựng và hoàn thiện quy định về phân cấp, phân quyền nhiệm vụ trong lĩnh vực khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm ngư quy định tại Chương IV Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Thúc đẩy kịp thời thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. - Tạo sự thống nhất trong triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Kiểm ngư ở Trung ương và địa phương. - Phân định rõ thẩm quyền chung và thẩm quyền riêng trong lĩnh vực thủy sản. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
8		2. Tham gia xây dựng và hoàn thiện quy định về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Kiểm ngư tại mục 3 Chương II và Phụ lục II Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Thúc đẩy kịp thời thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. - Tạo sự thống nhất trong triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Kiểm ngư ở Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã. - Giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản thông qua phân cấp, phân quyền theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
9	Bà Nguyễn Thị Vân, Chuyên viên chính Vụ Pháp chế	Tham gia xây dựng nội dung hoàn thiện thể chế về quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng theo hướng thống nhất với pháp luật về đất đai và đầu tư trong quá trình sửa đổi Luật Lâm nghiệp quy định tại Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Hiệu quả áp dụng - Góp phần khắc phục chồng chéo, mâu thuẫn trong pháp luật lâm nghiệp; làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm trong quản lý, sử dụng rừng. - Rút ngắn thời gian, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực trong lĩnh vực lâm nghiệp. - Tăng cường bảo vệ tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và giảm phát thải khí nhà kính. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
10	Ông Hoàng Nhất Thông, Chuyên viên chính Vụ Pháp chế	Tham gia xây dựng nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được quy định tại Điều 11 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Hiệu quả áp dụng - Góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực hiện quy định của pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật. - Luật số 146/2025/QH15 là căn cứ để sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo sự phát triển cho ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
11	Ông Nguyễn Duy Đại, Chuyên viên chính Vụ Pháp chế	Tác giả Sổ tay hướng dẫn thực hiện một số nhiệm vụ, thẩm quyền mới của chính quyền cấp xã theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp	Hiệu quả áp dụng Sổ tay góp phần nâng cao rõ rệt tính thống nhất và kịp thời trong tổ chức thực hiện pháp luật ở cấp xã. Trong bối cảnh chuyển sang mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025, nhiều nhiệm vụ, thẩm quyền mới được chuyển giao trực tiếp cho cấp xã, trong khi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan có phạm vi rộng, phân tán ở nhiều luật, nghị định, thông tư khác nhau. Sổ tay đã hệ thống hóa, “chuẩn hóa” nội dung phân quyền, phân cấp theo từng lĩnh vực, từng chủ thể có thẩm quyền, giúp cán bộ, công chức cấp xã dễ tiếp cận, dễ tra cứu và áp dụng thống nhất. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
12	Ông Phan Quang, Chuyên viên Vụ Pháp chế	Tham gia xây dựng Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Hiệu quả áp dụng - Góp phần hoàn thiện cơ chế phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp nhằm quản lý chặt chẽ, hiệu quả và chủ động hơn trong khai thác, bảo vệ tài nguyên khoáng sản. - Tạo cơ sở pháp lý để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
13	Ông Nguyễn Thành Lê, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.	Chủ trì, tổ chức xây dựng Quyết định số 1811/QĐ-TTg ngày 23/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng Với phương án rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Đề án rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đề xuất kiện toàn, tổ chức lại 72 đơn vị sự nghiệp ngoài cơ cấu trực thuộc Bộ xuống còn 46 đơn vị, tương ứng giảm 36,11%, tạo căn cứ để tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý, thực hiện cơ chế tự chủ, bố trí nhân sự và bảo đảm hoạt động chuyên môn thống nhất, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu tinh gọn và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	Ông Chu Ngọc Kiên, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ	Chủ trì, tổ chức xây dựng Quyết định số 1688/QĐ-BNNMT ngày 26/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chế phân công, phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng Việc ban hành kịp thời Quy chế này quy định về thẩm quyền xem xét cho chủ trương, phê duyệt quyết định liên quan tới các nhiệm vụ thường xuyên trong công tác tổ chức cán bộ tại Quyết định số 1688/QĐ-BNNMT ngày 26/5/2025 đã giúp phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của các đồng chí Thứ trưởng, người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Bộ trong thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của công tác tổ chức cán bộ bảo đảm theo Quy định của Đảng và Nhà nước Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
15	Ông Trần Minh Đáng, Chuyên viên cao cấp Vụ Tổ chức cán bộ	Chủ trì xây dựng Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 4686/QĐ-BNNMT ngày 07/11/2025 quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai	Hiệu quả áp dụng - Góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. - Tăng cường tính chủ động, thống nhất và hiệu quả trong tổ chức triển khai nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. - Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
16	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Xuân Ân, Phó Vụ trưởng. 2. Bà Vũ Thị Thanh Xuân, Chuyên viên chính. Vụ Tổ chức cán bộ.	Chủ trì, tham mưu xây dựng Kế hoạch số 2393/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Ban hành Kế hoạch tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước các cấp tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước ngành Nông nghiệp và Môi trường lần thứ I.	Hiệu quả áp dụng: - Làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành triển khai Hội nghị điển hình tiên tiến/ Đại hội thi đua yêu nước các cấp của đơn vị - Đại hội Thi đua yêu nước ngành Nông nghiệp và Môi trường lần thứ I diễn ra vào ngày 12/11/2025 đảm bảo trang trọng, hiệu quả cao. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
17	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Văn Long, Vụ trưởng. 2. Ông Nguyễn Tiến Long, Chuyên viên chính. Vụ Khoa học và Công nghệ	Chủ trì, tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	Hiệu quả áp dụng - Văn bản ban hành đã kịp thời chấn chỉnh, đôn đốc Thủ trưởng các đơn vị được Bộ giao nhiệm vụ phải tập trung chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên nguồn lực để tổ chức triển khai, bảo đảm hoàn thành tốt, đúng thời hạn tất cả các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02/BCĐTW, Nghị quyết số 214/NQ-CP, các quyết định và văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Bộ đã cơ bản hoàn thành tốt 151 (100%) nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành trước ngày 31/12/2025; không có nhiệm vụ quá hạn; còn lại 37 nhiệm vụ thường xuyên, có thời hạn hoàn thành trong năm 2026. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
18	Ông Dương Phước Hùng, Chuyên viên chính Vụ Hợp tác quốc tế.	Chủ trì xây dựng Đề án hợp tác khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên và thúc đẩy thương mại nông sản	Hiệu quả áp dụng - Thúc đẩy chuyển dịch từ "sản xuất khối lượng" sang "sản xuất giá trị", nâng cao tỷ lệ chế biến sâu và xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế; Mở rộng thị trường xuất khẩu sang các khu vực có giá trị cao và tối ưu hóa việc thu hút, sử dụng các nguồn vốn đầu tư quốc tế (FDI, ODA) cho hạ tầng nông nghiệp xanh. - Hiện đại hóa công tác quản trị thông qua ứng dụng công nghệ số và công nghệ 4.0 trong giám sát tài nguyên, dự báo thiên tai và kiểm soát ô nhiễm; Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, phục hồi các hệ sinh thái và thực hiện các cam kết quốc tế về phát thải thấp và phát triển bền vững; Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
19	Ông Phạm Ngọc Mậu, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.	Đề xuất thành lập nhóm công tác Hợp tác Nam - Nam trong lĩnh vực nông nghiệp	Hiệu quả áp dụng Việc thành lập Nhóm công tác Hợp tác Nam – Nam trong nông nghiệp đã tạo cơ chế điều phối liên ngành thống nhất trong toàn hệ thống Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam, nâng cao chất lượng tham mưu chiến lược, giảm chồng chéo và tăng hiệu quả triển khai hợp tác. Sáng kiến góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu, thúc đẩy đầu tư và phát triển chuỗi giá trị nông sản, đồng thời đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất và năng lực thích ứng tại các nước đối tác. Qua đó, không chỉ tăng hiệu quả kinh tế và kỹ thuật mà còn cải thiện sinh kế nông dân châu Phi, nâng cao vị thế của Việt Nam và đóng góp vào mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực toàn cầu theo định hướng của Liên Hợp Quốc. Phạm vi ảnh hưởng: Áp dụng tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam và tại khoảng 40–50 quốc gia châu Phi theo hai nhóm hỗ trợ kỹ thuật và hợp tác thương mại - đầu tư, đồng thời gắn với các cơ chế hợp tác đa phương quốc tế.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
20	Ông Lê Thành Văn, Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế.	Tham mưu xây dựng dự án “Hợp tác nghiên cứu, phát triển cây lương thực và cây thực phẩm tại Mô-dăm-bích”	Hiệu quả áp dụng - Nâng cao và củng cố quan hệ hữu nghị hai nước, hai nhân dân Việt Nam và Mô-dăm-bích; gây ảnh hưởng tích cực đến quan hệ hữu nghị của Việt Nam với các nước châu Phi khác; nâng cao uy tín, thể hiện vai trò và trách nhiệm của Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, phía Mô-dăm-bích rất coi trọng, thúc đẩy công tác chuyên gia của ta ở nước sở tại, đồng thời mong muốn củng cố hình ảnh nông nghiệp Việt Nam tại Mô-dăm-bích nói riêng và Châu phi nói chung việc Việt Nam tích cực tham gia vào công cuộc xóa đói giảm nghèo chung cho nhân dân châu Phi. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường.
21	Bà Trần Diễm Lan, Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế.	Tham mưu xây dựng Bản ghi nhớ hợp tác về An toàn thực phẩm, Thú y, Bảo vệ thực vật và Thủy sản	Hiệu quả áp dụng - Trên cơ sở Bản ghi nhớ hai bên thúc đẩy hợp tác song phương trong các lĩnh vực về trao đổi kỹ thuật, các thủ tục về kiểm dịch động thực vật nhằm thúc đẩy thương mại song phương giữa hai nước. - Bản ghi nhớ là cơ sở để các đơn vị chuyên môn của hai Bộ thúc đẩy các hợp tác cụ thể về những lĩnh vực an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn về xuất nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản sang mỗi nước, các công nghệ và kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản. Phạm vi ảnh hưởng: Ảnh hưởng trực tiếp đối với Việt Nam và Tây Ban Nha thông qua tăng cường kết nối cơ quan quản lý, viện nghiên cứu và doanh nghiệp hai nước. Đồng thời, hợp tác song phương này góp phần thúc đẩy thương mại nông sản, quản lý tài nguyên bền vững và tăng cường liên kết giữa Việt Nam với khu vực Nam Âu nói riêng và Châu Âu nói chung.
22	Ông Nguyễn Quốc Toàn, Chánh Văn phòng Đảng ủy Bộ (nay là Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam)	Tham mưu xây dựng báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhiệm kỳ 2025-2030	Hiệu quả áp dụng Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường lần thứ 1, nhiệm kỳ 2025-2030 được thông qua là tiền đề để toàn Đảng bộ phát huy cao độ lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, thống nhất, trách nhiệm sâu sắc trước Đảng và Nhân dân, phát huy phẩm chất, năng lực, khát vọng cống hiến, đổi mới của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, người lao động trong toàn Ngành, quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu của Ngành Nông nghiệp và Môi trường đến năm

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			2030, góp phần thiết thực kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng; hướng tới hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 kỷ niệm 100 năm thành lập nước. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
23	Ông Cù Ngọc Linh, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy Bộ	Đề xuất phương án tổ chức triển khai các nhiệm vụ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tham mưu thực hiện Đề án hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng Góp phần nhanh chóng hiện thực hóa các chỉ đạo của Trung ương, tiến tới hoàn thành việc hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Bộ Tài nguyên và Môi trường thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
24	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Quốc Toàn, Chánh Văn phòng Đảng ủy Bộ (nay là Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo). 2. Bà Nguyễn Thị Yến, Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy Bộ.	Tham mưu xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.	Hiệu quả áp dụng - Góp phần đạt hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong nhiệm kỳ 2025-2030, góp phần thành tích chung của ngành. - Xác định rõ những vấn đề trọng yếu cần quan tâm trong xây dựng đảng bộ và xây dựng Bộ, ngành đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đất nước đồng thời tập trung khắc phục giải quyết những hạn chế tồn tại yếu kém của nhiệm kỳ trước. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
25	Ông Tạ Hồng Sơn, Bí thư Đoàn TNCS HCM Bộ.	Chủ trì xây dựng Kế hoạch triển khai phong trào thanh niên “Mỗi cơ sở Đoàn một phần việc chuyên môn, một công trình thanh niên trong tham gia giải quyết việc khó, việc mới sau hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Môi trường”	Hiệu quả áp dụng Viện triển khai phong trào thanh niên “Mỗi cơ sở Đoàn một phần việc chuyên môn, một công trình thanh niên trong tham gia giải quyết việc khó, việc mới sau hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Môi trường” góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả phối hợp liên ngành, tiết kiệm nguồn lực hành chính, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong giai đoạn mới. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
26	Nhóm tác giả 1. Ông Nguyễn Xuân Chinh, Chánh Văn phòng. 2. Bà Nguyễn Thị Hiệp, Chuyên viên chính Phòng Tổng hợp. 3. Bà Nguyễn Thanh Hương Chuyên viên Phòng Tổng hợp. Văn phòng Bộ.	Chủ trì, tham gia xây dựng Thông tư số 22/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Nâng cao chất lượng tổng hợp, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Bộ: Thông tư được ban hành để các Bộ, ngành địa phương thực hiện báo cáo thống nhất về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Từ đó, hỗ trợ cho công tác tổng hợp, phân tích, thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ về toàn bộ các lĩnh vực của Ngành, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Bộ. - Hệ thống các bảng biểu trong Thông tư được thiết lập bao gồm các chuyên ngành khác nhau. Từ đó việc báo cáo của các tỉnh, thành phố chỉ cần thực hiện tại 01 báo cáo, giảm gánh nặng hành chính trong việc phải thực hiện nhiều loại báo cáo khác nhau, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện các báo cáo. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
27	Ông Phạm Văn Ngọc, Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ.	Xây dựng nội dung Phân tích, đánh giá điều kiện kinh tế - xã hội trong lập Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 2307/QĐ-TTg ngày 17/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Hiệu quả áp dụng Việc phân tích, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của điều kiện kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong lập Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hướng đến nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng, giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu với các trọng tâm: Thủy sản, trái cây, lúa gạo, chăn nuôi theo tỷ lệ, cơ cấu phù hợp diễn biến của khí hậu, môi trường và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Phạm vi ảnh hưởng: 13 tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long (nay là 05 tỉnh, thành phố).
28	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Quốc Hùng, Phó Trưởng Phòng Tổng hợp.	Tham gia xây dựng Quy chế làm việc của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tại Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ	Hiệu quả áp dụng - Quy chế làm việc giúp thống nhất nguyên tắc, quy trình xử lý công việc trong toàn Bộ, bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, tránh chồng chéo nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	2. Bà Lê Thị Minh, Chuyên viên Phòng Tổng hợp. 3. Bà Nguyễn Thanh Hương, Chuyên viên Phòng Tổng hợp. Văn phòng Bộ.	trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn: Quy chế quy định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng, Thứ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị và công chức, viên chức; từ đó nâng cao trách nhiệm cá nhân và hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
29	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Gia Cường, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ (nay là Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường miền Bắc, Cục Môi trường). 2. Ông Phạm Tường, Chuyên viên phòng Tổng hợp. 3. Ông Nguyễn Hải Hưng, Viên chức biệt phái, Phòng Tổng hợp. Văn phòng Bộ.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát nhiệm vụ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng - Nâng cao hiệu quả công tác tổng hợp, báo cáo thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ. Đặc biệt trong bối cảnh Bộ Nông nghiệp và Môi trường được thành lập mới trên cơ sở hợp nhất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ mới trở thành bộ đa ngành, đã lĩnh vực với phạm vi quản lý rộng, số lượng đơn vị nhiều, yêu cầu về tiến độ, chất lượng thông tin ngày càng cao. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
30	Nhóm tác giả 1. Ông Trịnh Xuân Quảng Phó Chánh Văn phòng. 2. Ông Nguyễn Văn Giang Trưởng phòng Thông tin và truyền thông. 3. Bà Phạm Ngọc Anh, Phó Trưởng phòng Thông tin và truyền thông. Văn phòng Bộ.	Chủ trì, tham gia xây dựng Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tại Quyết định số 3883/QĐ-BNNMT ngày 22/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng Việc áp dụng Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí sẽ tạo cơ chế thống nhất - kịp thời - chính xác - đúng thẩm quyền; đồng thời chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, phân loại, giao đầu mối xử lý và phối hợp liên thông giữa các đơn vị để bảo đảm hiệu quả triển khai; trong đó, các tình huống cấp bách/đột xuất yêu cầu cung cấp thông tin ban đầu trong vòng 24 giờ, duy trì cơ chế cung cấp thông tin định kỳ hằng tháng và họp báo tối thiểu 3 tháng/lần; đồng thời có “kịch bản” xử lý truyền thông khi xuất hiện dư luận trái chiều/tin giả, tin xuyên tạc... Sau phát ngôn, quy chế còn yêu cầu tổng hợp theo dõi báo chí, chủ động phản hồi - cải chính - xin lỗi khi cần và lưu trữ hồ sơ theo quy định. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
31	Nhóm tác giả 1. Bà Mai Thị Thanh Thủy, Phó Chánh Văn phòng. 2. Ông Vũ Bá Dụ, Trưởng phòng Văn thư - lưu trữ. 3. Bà Tạ Thị Thúy Ngọc, Phó Trưởng phòng Văn thư - lưu trữ. 4. Ông Nguyễn Đức Toàn,	Tham gia xây dựng Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thời hạn lưu trữ lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Hiệu quả áp dụng - Bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Lưu trữ và kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. - Góp phần hoàn thiện quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Thống nhất công tác lưu trữ, bảo vệ an toàn hồ sơ, tài liệu có giá trị và tạo cơ sở pháp lý cho việc loại hủy tài liệu hết giá trị, góp phần tối ưu hóa công tác lưu trữ sau sắp xếp tổ chức bộ máy. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Phó Trưởng phòng Văn thư - lưu trữ. Văn phòng Bộ.		
32	Bà Hà Hoàng Giang, Chuyên viên Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Bộ.	1. Xây dựng nội dung đánh giá hiện trạng nhu cầu, cơ chế, chính sách khuyến khích thiết kế, chế tạo thiết bị chuyên dùng phục vụ điều tra cơ bản ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thiết kế, chế tạo thiết bị chuyên dùng phục vụ điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Việc xây dựng nội dung đánh giá hiện trạng, nhu cầu và cơ chế, chính sách giúp xác định rõ thực trạng và yêu cầu thực tiễn, làm căn cứ hoàn thiện chính sách phù hợp. - Nghiên cứu nhằm cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ quá trình tham mưu cho Bộ trong việc xem xét, điều chỉnh, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến khuyến khích hoạt động thiết kế, chế tạo thiết bị chuyên dùng phục vụ điều tra cơ bản ngành tài nguyên và môi trường. Đồng thời nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả công tác điều tra cơ bản, bảo đảm dữ liệu thu thập chính xác, đồng bộ. Hoạt động này cũng góp phần khuyến khích đổi mới sáng tạo, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy hiện đại hóa ngành tài nguyên và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
33		2. Đề xuất, xây dựng, hoàn thiện Đề án kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Quyết định số 2068/QĐ-BNNMT ngày 11/6/2025).	Hiệu quả áp dụng - Kiện toàn, thống nhất 01 đầu mối tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến làm việc. Qua đó, tăng cường hiệu quả công tác giải quyết TTHC của Bộ được nhanh chóng, kịp thời, giảm tỷ lệ hồ sơ quá hạn trả kết quả. - Phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ, đảm bảo việc cung cấp số liệu, tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Việc thống kê, theo dõi tình hình giải quyết hồ sơ TTHC của Bộ được đồng nhất, tăng cường công tác đôn đốc, kiểm soát về tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC đối với tất cả các lĩnh vực của Bộ. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
34	Nhóm tác giả: 1. Ông Lê Phú Hà, Cục trưởng. 2. Ông Nguyễn Ngọc Vũ, Trưởng phòng Công nghệ số. 3. Ông Bùi Mạnh Khôi, Trưởng phòng Tài chính - Thống kê. 4. Ông Vũ Anh Tú, Chuyên viên Phòng Công nghệ số. Cục Chuyển đổi số.	Chủ trì, xây dựng Chiến lược Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.	Hiệu quả áp dụng - Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường triển khai thống nhất các nhiệm vụ về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương bảo đảm triển khai các chỉ đạo mới của Trung ương, Chính phủ tại Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết số 71/NQ-CP và 214/NQ-CP của Chính phủ. - Giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất sản xuất, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững, hiện đại dựa trên công nghệ và dữ liệu số. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường.
35	Nhóm tác giả: 1. Ông Khuất Hoàng Kiên, Phó Cục trưởng. 2. Ông Nguyễn Ngọc Vũ, Trưởng phòng, Phòng Công nghệ số. 3. Bà Trần Thị Mai Thu, Chuyên viên chính, Phòng An toàn thông tin.	Nghiên cứu, phân tích các chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số, dữ liệu và tài nguyên số và dự báo sự phát triển tài nguyên số ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thuộc nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu, xây dựng Chiến lược tổng thể quản lý, phát triển tài nguyên số ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030.	Hiệu quả áp dụng - Góp phần cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng, hoàn thiện chiến lược phát triển tài nguyên số; nâng cao chất lượng hoạch định chính sách, kế hoạch chuyển đổi số; đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các chương trình, kế hoạch và chính sách trong toàn ngành. - Thúc đẩy chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng danh mục và mô hình quản trị dữ liệu ngành; tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các lĩnh vực và đơn vị; hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ số. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	4. Bùi Mạnh Khôi, Trưởng phòng Tài chính - Thống kê. 5. Ông Nguyễn Tiến Hơn, Trưởng phòng Phát triển công nghệ số, Trung tâm Dữ liệu thông tin phía Nam. Cục Chuyển đổi số.		
36	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Bảo Trung, Phó Cục trưởng. 2. Ông Nhâm Ngọc Tân, Phó Trưởng phòng, Phòng Công nghệ số. 3. Bà Hoàng Thu Trang, Chuyên viên Phòng Công nghệ số. Cục Chuyển đổi số.	Xây dựng khung kiến trúc số Bộ Nông nghiệp và Môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 5445/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Khung kiến trúc số được ban hành giúp triển khai đồng bộ các kế hoạch, chiến lược Chính phủ số Việt Nam, các chiến lược quốc gia cũng như chiến lược ngành; xuyên suốt, thống nhất với các Sở Nông nghiệp và Môi trường, kết nối liên thông với các Bộ, ngành địa phương; - Đây là cơ sở để Bộ quyết định đầu tư, tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành, bảo đảm chia sẻ dữ liệu thông suốt; chuẩn hóa yêu cầu an toàn, an ninh mạng; cũng như làm công cụ giám sát, đánh giá hiệu quả các dự án công nghệ số Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
37	Ông Lê Minh Quang, Phó Trưởng phòng điều hành Phòng An toàn thông tin, Cục Chuyển đổi số.	1. Chủ trì, tổ chức xây dựng Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 – 2030 được ban hành tại Quyết định số 3634/QĐ-BNNMT ngày 03/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Tối ưu phân bổ tài nguyên tính toán, lưu trữ; giảm đầu tư trùng lặp; tăng tính sẵn sàng, khả năng mở rộng và tính liên tục của hệ thống. - Nâng cao khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, phục vụ hiệu quả chỉ đạo, điều hành và chuyên môn. - Tạo nền tảng triển khai ứng dụng số, dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ ứng dụng các công nghệ mới như AI, Big Data, IoT; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; - Tăng cường quản lý rủi ro, bảo vệ dữ liệu và nâng cao mức độ an toàn hệ thống, đáp ứng yêu cầu pháp luật. - Giảm chi phí đầu tư, vận hành, bảo trì; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, phù hợp định hướng thuê dịch vụ CNTT và dùng chung hạ tầng. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
38		2. Chủ trì, tổ chức xây dựng Quy chế an toàn thông tin mạng và an ninh mạng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được ban hành tại Quyết định 1921/QĐ-BNNMT ngày 05/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Thiết lập khung quản lý thống nhất về an toàn thông tin trong toàn Bộ, xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan và chuẩn hóa quy trình quản lý, giám sát, kiểm tra, ứng cứu sự cố. - Giúp nâng cao khả năng phòng ngừa, phát hiện sớm và xử lý sự cố; tăng cường mức độ bảo mật, tính toàn vẹn và tính sẵn sàng của dữ liệu, hệ thống thông tin; đồng thời bảo đảm triển khai đầy đủ phương án an toàn thông tin theo cấp độ. - Góp phần giảm trùng lặp đầu tư các giải pháp bảo mật, tối ưu chi phí vận hành, bảo trì và ứng cứu sự cố, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và ngân sách. - Bảo vệ dữ liệu và tài sản số của Bộ, nâng cao độ tin cậy của hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, đồng thời tạo nền tảng an toàn cho triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
39	Nhóm tác giả: 1. Bà Chu Diễm Hằng, Phó Chánh Văn phòng. 2. Bà Trần Thị Minh Tuyền, Phụ trách phòng Kế hoạch, Trung tâm Hạ tầng số. Cục Chuyển đổi số.	Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức, triển khai thực hiện Dự án ODA cấp Bộ: Thiết lập chuỗi giá trị nông sản thông minh và an toàn tại Việt Nam do Chính phủ Hàn Quốc viện trợ không hoàn lại	Hiệu quả áp dụng - Hình thành mô hình trang trại thông minh đồng bộ từ sản xuất, sơ chế đến bảo quản và tiêu thụ; Ứng dụng hệ thống nhà kính, điều khiển tự động, quản lý vi khí hậu và phần mềm quản lý dữ liệu, góp phần nâng cao mức độ cơ giới hóa và số hóa trong sản xuất; Cải thiện năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm và giảm rủi ro do điều kiện thời tiết. - Nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm thông qua sơ chế, đóng gói, bảo quản và xây dựng thương hiệu; Giảm tổn thất sau thu hoạch nhờ hệ thống kho lạnh và quy trình bảo quản chuẩn hóa; Tạo cơ sở hình thành chuỗi liên kết bền vững, tăng khả năng tiếp cận thị trường hiện đại. - Nâng cao năng lực kỹ thuật và quản trị cho cán bộ, hợp tác xã và nông dân thông qua đào tạo và chuyển giao công nghệ; Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt; Cung cấp mô hình thực tiễn phục vụ nghiên cứu, đào tạo và xây dựng chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
40	Bà Đoàn Thanh Thủy, Phó Chánh Văn phòng Cục Chuyển đổi số	Tham mưu xây dựng thủ tục hành chính về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 704/QĐ-BNNMT ngày 09/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân. - Đối với cơ quan quản lý nhà nước, việc chuẩn hóa thủ tục hành chính giúp hệ thống hóa, thống nhất quy trình tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin, dữ liệu, bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, dễ thực hiện và dễ kiểm soát. - Đối với tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, thủ tục hành chính được chuẩn hóa giúp giảm thời gian, chi phí thực hiện; tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin, dữ liệu theo đúng quy định pháp luật. Từ đó nâng cao mức độ hài lòng và niềm tin đối với cơ quan nhà nước từ người dân và doanh nghiệp. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
41	Ông Nguyễn Ngọc Vũ, Trưởng phòng Công nghệ	Xây dựng Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ	Hiệu quả áp dụng - Thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã tạo sự thống nhất về nhận

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	số, Cục Chuyển đổi số	chức bộ máy của hệ thống chính trị được ban hành tại Kế hoạch số 13-KH/ĐU ngày 27/06/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.	thức, tư tưởng chính trị và hành động trong toàn Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Đây là cơ sở quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo, qua đó các Đảng bộ, Chi bộ trong toàn Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả góp phần góp phần để Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương, Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết số 71/NQ-CP và 214/NQ-CP của Chính phủ trong năm 2025. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
42	Ông Nguyễn Hoàng Đan, Phó Cục trưởng Cục Chuyển đổi số.	1. Chủ trì, tổ chức xây dựng Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu tổng hợp ngành nông nghiệp và môi trường được ban hành tại Quyết định số 5277/QĐ-BNNMT ngày 15/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng - Tạo cơ sở pháp lý phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tổng hợp ngành nông nghiệp và môi trường. - Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của Bộ; - Thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thay đổi phương thức, tư duy quản lý, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu, tiết kiệm chi phí, thời gian cho cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân; - Thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường.
43		2. Chủ trì, tổ chức xây dựng Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn được ban hành tại Quyết định số 5333/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng - Tạo cơ sở pháp lý phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn. - Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của Bộ, các đơn vị trong ngành về lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn - Thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thay đổi phương thức, tư duy quản lý, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu, tiết

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			kiệm chi phí, thời gian cho cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân; - Góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
44		3. Chủ trì, tổ chức xây dựng Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực chất lượng chế biến và phát triển thị trường được ban hành tại Quyết định số 5757/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng - Quy định kỹ thuật được ban hành, tạo cơ sở pháp lý phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lĩnh vực chất lượng chế biến và phát triển thị trường. - Cơ sở dữ liệu lĩnh vực chất lượng chế biến và phát triển thị trường được xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật, hoàn thiện, quản lý, quản trị, vận hành, kết nối, chia sẻ đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành nông nghiệp và môi trường, với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, các quốc gia khác, của bộ ngành, địa phương. - Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của Bộ, các đơn vị trong ngành về lĩnh vực chất lượng chế biến và phát triển thị trường trên phạm vi toàn quốc; - Thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thay đổi phương thức, tư duy quản lý, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu, tiết kiệm chi phí, thời gian cho cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân; - Góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
45	Ông Đặng Duy Hiền, Phó Cục trưởng Cục Chuyên đổi số.	Chủ trì, tổ chức xây dựng Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm được ban hành tại Quyết định số 5611/QĐ-BNNMT ngày 23/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng: - Quy định kỹ thuật được ban hành, tạo cơ sở pháp lý phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm. - Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của Bộ, các đơn vị trong ngành về lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm trên phạm vi toàn quốc;

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			- Thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thay đổi phương thức, tư duy quản lý, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu; thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
46	Nhóm tác giả: 1. Ông Lê Phú Hà, Cục trưởng. 2. Ông Nguyễn Kim Phúc, Phó Cục trưởng. Cục Chuyển đổi số.	1. Chủ trì, tổ chức xây dựng Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư được ban hành tại Quyết định số 4440/QĐ-BNNMT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng: - Quy định kỹ thuật được ban hành, tạo cơ sở pháp lý phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư. - Chuẩn hóa, cập nhật, hoàn thiện, quản lý, quản trị, vận hành, kết nối, chia sẻ đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành nông nghiệp và môi trường, với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, các quốc gia khác, của bộ ngành, địa phương bảo đảm yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. - Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của Bộ, các đơn vị trong ngành về lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - Thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thay đổi phương thức, tư duy quản lý, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu; Góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
47		2. Chủ trì, tổ chức xây dựng Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được ban hành tại Quyết định số 4057/QĐ-BNNMT ngày 30/09/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng: - Quy định kỹ thuật được ban hành, tạo cơ sở pháp lý phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. - Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của Bộ, các đơn vị trong ngành về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên phạm vi toàn quốc; - Thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thay đổi phương thức, tư duy quản lý, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu, - Góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
48	Ông Lê Phú Hà, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số.	Chủ trì, tổ chức xây dựng Quy định kỹ thuật cơ sở dữ liệu lĩnh vực chăn nuôi và thú y được ban hành tại Quyết định số 4999/QĐ-BNNMT ngày 25/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả áp dụng: - Quy định kỹ thuật được ban hành, tạo cơ sở pháp lý phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của Bộ, các đơn vị trong ngành về lĩnh vực chăn nuôi và thú y - Thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thay đổi phương thức, tư duy quản lý, chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu; - Góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
49	Ông Hoàng Phúc, Kỹ sư CNTT, Phòng Khai thác hạ tầng số, Trung tâm Hạ tầng số, Cục Chuyển đổi số	Nghiên cứu, xây dựng giải pháp IoT phục vụ thu thập và chia sẻ thông tin phục vụ dự án Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1) theo Quyết định số 3047/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023.	Hiệu quả áp dụng Hệ thống hỗ trợ tiếp nhận và quản lý dữ liệu IoT tập trung, nâng cao khả năng khai thác và chia sẻ thông tin; Hỗ trợ thử nghiệm và đánh giá hiệu quả ứng dụng IoT; Tạo tiền đề xây dựng các mô hình giám sát và quản lý thông minh Phạm vi ảnh hưởng: Thử nghiệm tại một số địa phương (Bến Tre, Trà Vinh, Bạc Liêu); phục vụ nghiên cứu, đánh giá trong năm 2025; định hướng mở rộng toàn quốc.
50	Bà Lê Thị Khánh, Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm soát quản lý và sử dụng đất đai, Cục Quản lý đất đai	Đề xuất trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 81 Luật Đất đai năm 2024.	Hiệu quả áp dụng Quy định nêu trên nhằm hoàn thiện trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 81 Luật Đất đai năm 2024, mục đích để công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính đối với người dân và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực thi công vụ, không được phát sinh thêm thủ tục hành chính gây phiền hà, những nhiễu người dân. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
51	Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Phó Cục trưởng, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chủ trì, tổ chức xây dựng Đề án: Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050.	Hiệu quả áp dụng - Góp phần giảm chi phí đầu vào trong sản xuất trồng trọt (nước tưới, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), qua đó nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất. - Tạo tiền đề hình thành sản phẩm nông sản phát thải thấp, nâng cao khả năng tiếp cận các thị trường có yêu cầu cao về môi trường (EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ). Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
52	Bà Nguyễn Thị Diệp, Trưởng phòng Dịch tễ thú y, Cục Chăn nuôi - Thú y	1. Đề xuất các giải pháp phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn được quy định tại các văn bản chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Hiệu quả áp dụng Kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh truyền lây nguy hiểm trên động vật và các dịch bệnh truyền lây giữa động vật và người Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
53		2. Tham mưu, đề xuất xây dựng Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật (Thư ký Tổ soạn thảo).	Hiệu quả áp dụng - Tạo hành lang pháp lý thông suốt, thống nhất, đồng bộ và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành; là chính sách duy nhất và quan trọng nhất hiện nay để có cơ sở pháp lý hỗ trợ cho người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và lực lượng tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật; bảo đảm đúng quy định, sát thực tiễn, có tính khả thi cao, góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật. - Nghị định số 116 góp phần quan trọng để kiểm soát dịch bệnh động vật, tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển nhanh, bền vững, với tốc độ tăng trưởng năm 2025 dự kiến đạt trên 5%, bảo đảm nguồn cung thực phẩm cho hơn 100 triệu dân trong nước và xuất khẩu. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
54	Nhóm tác giả 1. Ông Nguyễn Tùng Phong, Cục trưởng.	Chủ trì, xây dựng 03 Nghị định (số 131/2025/NĐ-CP; 136/2025/NĐ-CP; 40/2026/NĐ-CP) và 02 Thông tư (số 20/2025/TT-BNNMT; 19/2025/TT-	Hiệu quả áp dụng - Thê chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương và phân

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	2. Ông Nguyễn Minh Thắng, Trưởng phòng Chính sách - Pháp chế. 3. Ông Đặng Văn Thường, Chuyên viên, Phòng Chính sách - Pháp chế. Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi.	BNNMT) quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi (Luật số 146/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật)	định thẩm quyền gắn với thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; - Góp phần cho bộ máy sau sắp xếp về thủy lợi bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hơn, phù hợp với tình hình đất nước trong giai đoạn mới; - Quy định chi tiết một số điều đã quy định trong Luật Thủy lợi cho UBND các cấp thực hiện mà trước đây các văn bản dưới Luật chưa quy định chi tiết; - Quy định chuyển toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (lĩnh vực thủy lợi) thẩm quyền chung sang thẩm quyền riêng để bảo đảm thống nhất, đồng bộ, rút ngắn thời gian, chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; - Bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ với hệ thống văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
55	Ông Nguyễn Tùng Phong, Cục trưởng Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	Chủ trì, tổ chức xây dựng Đề án Hợp nhất Cục Thủy lợi và Cục Quản lý Xây dựng công trình thành Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi và kiện toàn công tác cán bộ sau khi hợp nhất	Hiệu quả áp dụng - Đảm bảo cơ cấu tổ chức mới thống nhất, rõ ràng và toàn diện, xác định đầy đủ trách nhiệm của tất cả các cơ quan, đơn vị ở các cấp. Các tổ chức và nhân sự liên quan hiểu rõ trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ của mình trong cơ cấu tổ chức mới. - Đảm bảo xây dựng, hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về thủy lợi và nước sạch nông thôn, xây dựng cơ bản đủ mạnh, hoàn chỉnh, thống nhất, có đủ năng lực tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước chuyên sâu, ổn định và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước theo hướng tăng cường phân cấp cho cấp dưới, cho địa phương thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất, thông suốt về chuyên ngành từ Bộ tới cơ sở; - Đảm bảo sự quản lý thống nhất, kịp thời có hiệu lực của Bộ trưởng trong Bộ đa ngành ở Trung ương và của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với Sở đa ngành ở địa phương; Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
56	Ông Lê Hồng Linh, Phó Cục trưởng Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	Chỉ đạo xây dựng giải pháp kỹ thuật tuyến tràn hồ chứa nước Mò Ó, thành phố Đà Nẵng.	Hiệu quả áp dụng - Hiệu quả đầu tư: So với phương án tuyến thiết kế ban đầu của đơn vị tư vấn thì tuyến thiết kế đề xuất có chi phí xây dựng giảm 4,5 tỷ đồng (chi phí xây dựng tràn giảm 1,2 tỷ đồng; chi phí thi công, dẫn dòng giảm: 3,3 tỷ đồng). - Tiến độ thi công và an toàn công trình: Hạn chế được các rủi ro chưa lường hết về rung chấn khi tràn xả lũ ảnh hưởng trực tiếp đến đập đất, khả năng xói lở hạ lưu theo thiết kế ban đầu và đẩy nhanh tiến độ thi công. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
57	Ông Lương Văn Anh, Phó Cục trưởng Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (nay là Ủy viên đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Văn phòng Quốc Hội)	Tham gia tổ chức xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thủy lợi năm 2025 trong lĩnh vực thủy lợi gắn với thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Nghị định số 131/2025/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP)	Hiệu quả áp dụng - Thê chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương và phân định thẩm quyền gắn với thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Góp phần cho bộ máy sau sắp xếp về thủy lợi bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hơn, phù hợp với tình hình đất nước trong giai đoạn mới. - Quy định chuyển toàn bộ thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (lĩnh vực thủy lợi) thẩm quyền chung sang thẩm quyền riêng để bảo đảm thống nhất, đồng bộ, rút ngắn thời gian, chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Phạm vi ảnh hưởng Áp dụng cho cơ quan chuyên môn về quản lý và xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ, UBND các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực thủy lợi.
58	Ông Nguyễn Hồng Khanh, Phó Cục trưởng Cục Quản lý và xây	1. Tổ chức, tham gia xây dựng Đề án Phát triển tổng thể hệ thống thủy lợi Bắc Hưng hải, phục vụ đa mục tiêu và bảo vệ môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Đề án nhằm phát triển tổng thể công tác thủy lợi Bắc Hưng Hải theo hướng hiện đại, phục vụ đa mục tiêu gắn với đa tầng giá trị, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, không gian xanh, bảo đảm an ninh nguồn nước trong vùng và góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	dựng công trình thủy lợi		- Hoàn thiện, hiện đại hóa hạ tầng thủy lợi, đảm bảo khai thác đa mục tiêu, chủ động cấp nước đủ tiêu chuẩn phục vụ sản xuất, dân sinh và phát triển kinh tế trong vùng theo hướng hiện đại, sinh thái và bền vững; đảm bảo năng lực tiêu thoát nước; chủ động quản lý rủi ro và thích ứng với biến đổi khí hậu để định hướng được phương án quy hoạch không gian tổng thể vùng Bắc Hưng Hải và các khu vực liên quan theo hướng hiện đại và bền vững. Phạm vi ảnh hưởng Đồng bằng sông Hồng, gồm các tỉnh, Thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Hưng Yên.
59		2. Chỉ đạo, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Quy trình vận hành hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà.	Hiệu quả áp dụng Quy trình vận hành công trình thuộc hệ thống thủy lợi quy định việc vận hành bảo đảm nguồn nước sản xuất cho gần 170.000 ha canh tác lúa, hoa màu và cây công nghiệp; trên 12.000ha nuôi trồng thủy sản; tiêu, thoát nước cho trên 200.000 ha lưu vực của các địa phương khu vực hưởng lợi thuộc hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà, bao gồm các tỉnh, thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị khai thác công trình thủy lợi và người dân, doanh nghiệp có liên quan đến sử dụng và vận hành nguồn nước trong khu vực.
60	Ông Vương Quốc Thiết, Phó Cục trưởng Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	Chỉ đạo xây dựng phương án mở rộng đường ống chính Nam cấp nguồn sang khu tưới Ia Rsai	Hiệu quả tác dụng - Việc chỉ đạo xây dựng phương án đã làm giảm chi phí nhưng hiệu quả đầu tư không thay đổi so với phương án đường hầm chi phí xây dựng đường ống dẫn nước thấp hơn 6,5 tỷ đồng. - Tiến độ thi công và an toàn công trình: Thời gian triển khai thi công dự kiến nhanh hơn và hạn chế đường các phát sinh địa chất, đứt gãy trong quá trình thi công nếu sử dụng giải pháp đường hầm dẫn nước. Phạm vi ảnh hưởng Phương án này áp dụng được cho các công trình tương tự trên phạm vi cả nước.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
61	Ông Vũ Viết Hưng, Phó Cục trưởng Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	Đề xuất giải pháp tối ưu hóa kết cấu, biện pháp thi công cống và cửa van cống âu thuyền Hộ Phòng dự án Hệ thống công trình điều tiết, bổ sung nước phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng phía Nam Quốc lộ 1A	Hiệu quả tác dụng Đẩy nhanh tiến độ thi công, tiết kiệm được khoảng 28 tỷ đồng vốn xây lắp của công trình so với phương án Chủ đầu tư trình duyệt theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt. Đến nay, hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh đã được Bộ phê duyệt. Phạm vi ảnh hưởng Giải pháp này áp dụng được cho các công trình tương tự trên phạm vi cả nước.
62	Ông Nguyễn Hoài Nam, Phó Cục trưởng Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi	Chỉ đạo xây dựng hạng mục Hệ thống dẫn nước thuộc dự án Hồ chứa nước Thục Luyện, tỉnh Phú Thọ	Hiệu quả áp dụng - Việc hạn giảm thiểu phạm vi thu hồi vĩnh viễn giúp giảm chi phí giải phóng mặt bằng của dự án, tạo sự đồng thuận của người dân khi diện tích đất canh tác bị thu hồi rất nhỏ. Ước tính nếu thu hồi vĩnh viễn toàn bộ phần ống chiếm chỗ và hành lang an toàn thì tổng diện tích cần GPMB vĩnh viễn là 28,76ha. Trong khi đó phương án theo góp ý thì diện tích giải phóng vĩnh viễn khoảng 2,2ha. - Việc xây dựng một quy trình quản lý vận hành và bảo trì hợp lý góp phần đảm bảo công trình có thể khai thác vận hành một cách an toàn, đảm bảo độ bền vững của công trình, đảm bảo khả năng cấp nước ổn định cho các đối tượng sử dụng nước. Phạm vi ảnh hưởng Hạng mục Hệ thống dẫn nước này áp dụng được cho các công trình tương tự trên phạm vi cả nước.
63	Nhóm tác giả: 1. Ông Trần Phương, Phó Cục trưởng. 2. Ông Nguyễn Tiến Phương, Phó Trưởng phòng, Phòng Khoáng sản. 3. Ông Lê Đức Minh, Phó Trưởng	Chủ trì, tham gia xây dựng Nghị quyết số 02/2025/NQ-CP ngày 11/6/2025 về áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản (áp dụng cho các mỏ vật liệu cung cấp cho Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành).	Hiệu quả áp dụng Đẩy nhanh tiến độ thi công, đáp ứng chỉ đạo về kế hoạch thực hiện Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác - cung ứng vật liệu và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khai thác, vận chuyển và sử dụng khoáng sản phục vụ Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	phòng Khoáng sản. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam		
64	Nhóm tác giả: 1. Ông Trần Bình Trọng, Cục trưởng. 2. Ông Lê Quốc Hùng, Phó Cục trưởng. 3. Ông Chu Văn Dũng, Chuyên viên, Phòng Khoáng sản. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.	Chủ trì, tham gia xây dựng Thông tư số 50/2025/TT- BNNMT ngày 18/8/2025 quy định kỹ thuật công tác thi công công trình khoan, trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản	Hiệu quả áp dụng - Nâng cao chất lượng thi công công trình khoan, bảo đảm độ tin cậy của lõi khoan, mẫu địa chất và số liệu thu thập được; giảm thiểu sai sót kỹ thuật trong quá trình thực hiện các đề án, dự án địa chất - khoáng sản. - Góp phần giảm chi phí phát sinh do phải khoan lại, chỉnh sửa thiết kế hoặc kéo dài thời gian thi công; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn vốn của doanh nghiệp trong hoạt động khoan địa chất. - Tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho công tác quản lý, thẩm định, nghiệm thu và kiểm tra, giám sát hoạt động khoan; tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia thi công. - Góp phần bảo đảm an toàn lao động, hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thi công công trình khoan; nâng cao điều kiện làm việc cho người lao động trong ngành địa chất - khoáng sản. Phạm vi ảnh hưởng: áp dụng trên toàn quốc về lĩnh vực địa chất và khoáng sản.
65	Nhóm tác giả: 1. Ông Trần Bình Trọng, Cục trưởng. 2. Ông Trần Mỹ Dũng, Phó Cục trưởng. 3. Ông Vũ Mạnh Hào, Phó Trưởng phòng Địa chất.	Chủ trì, tham gia xây dựng Thông tư số 35/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về nội dung điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản	Hiệu quả áp dụng - Đảm bảo sự đồng bộ về nội dung điều tra cơ bản địa chất, địa chất về khoáng sản từ trung ương đến địa phương. - Đảm bảo cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ và đồng bộ trong nước và khu vực. - Đảm bảo sự thống nhất cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc thẩm định, kiểm tra, thanh tra trong công tác điều tra cơ bản địa chất, địa chất về khoáng sản từ trung ương đến địa phương. - Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống quy định kỹ thuật.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.		Phạm vi ảnh hưởng: áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân thực hiện đề án điều tra cơ bản địa chất và đề án điều tra địa chất về khoáng sản.
66	Nhóm tác giả: 1. Ông Lê Quốc Hùng, Phó Cục trưởng. 2. Ông Lưu Thanh Bình, Chuyên viên, Phòng Địa chất. 3. Ông Dương Ngọc Tình, Liên đoàn trưởng, Liên đoàn địa chất Trung Trung Bộ. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Chủ trì, xây dựng Thông tư số 49/2025/TT-BNNMT ngày 19/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá khoáng sản cát, sỏi lòng sông, lòng hồ.	Hiệu quả áp dụng - Tạo cơ sở pháp lý và kỹ thuật thống nhất cho công tác điều tra, đánh giá khoáng sản cát, sỏi lòng sông, lòng hồ trên phạm vi cả nước; - Nâng cao chất lượng, độ tin cậy của kết quả điều tra, phục vụ hiệu quả cho công tác quy hoạch, quản lý và cấp phép khai thác; - Góp phần hạn chế khai thác tự phát, thiếu cơ sở khoa học, giảm thiểu rủi ro sạt lở, suy thoái môi trường; - Đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý tài nguyên khoáng sản theo hướng hiệu quả, bền vững và phù hợp với thực tiễn. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức tư vấn, doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan đến hoạt động điều tra địa chất và khoáng sản.
67	Nhóm tác giả: 1. Ông Lại Mạnh Giàu, Liên đoàn trưởng. 2. Ông Nguyễn Khắc Tín Linh, Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ và Kiểm định máy Địa vật lý.	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu chế tạo thiết bị đo phổ gamma hàng không sử dụng máy bay không người lái.	Hiệu quả áp dụng - Sử dụng vào việc thăm dò, đánh giá và quản lý tài nguyên khoáng sản, góp phần nâng cao hiệu quả và độ chính xác trong công tác điều tra địa chất, sử dụng trong việc tìm kiếm, giám sát môi trường. Áp dụng và các đề án, dự án sản xuất của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Chế tạo được thiết bị đo phổ gamma đặt trên máy bay không người lái do Việt Nam chế tạo. Khẳng định được khả năng, công nghệ chế tạo máy địa vật lý và máy bay không người lái phục vụ công tác điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản. - Chủ động công nghệ chế tạo và sửa chữa. Khắc phục được nhược điểm bay đo phổ gamma hàng không bằng máy bay thông dụng trên những vùng có điều kiện

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	3. Ông Phạm Quang Biên, Viên chức Trung tâm Công nghệ và Kiểm định máy Địa vật lý. Liên đoàn Vật lý Địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam		địa hình phân cắt, phức tạp. Giảm giá thành trong công tác điều tra cơ bản về địa chất và tìm kiếm khoáng sản. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
68	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Văn Hành, Đoàn trưởng. 2. Bà Lê Thị Mai, Viên chức 3. Bà Bùi Thị Thu, Viên chức. Đoàn Địa vật lý biển, Liên đoàn Vật lý địa chất, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa vật lý trong đánh giá tài nguyên địa chất khoáng sản khu vực lòng hồ, lòng sông và cửa biển.	Hiệu quả áp dụng Nghiên cứu đưa ra những phương pháp điều tra, đánh giá thăm dò có tính hiệu quả, nhanh chóng và tính kinh tế cao trong đánh giá tài nguyên địa chất khoáng sản khu vực lòng hồ, lòng sông và cửa biển. Áp dụng trong hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản khu vực lòng hồ, lòng sông và cửa biển. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
69	Nhóm tác giả: 1. Ông Trịnh Đình Huân, Liên đoàn trưởng. 2. Ông Hoàng Văn Dũng, Trưởng	Tham gia xây dựng Thông tư số 21/2024/TT-BTNMT ngày 21 tháng 11 năm 2024 quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên và thăm dò khoáng sản đất hiếm	Hiệu quả áp dụng - Đã được áp dụng trong công tác điều tra, đánh giá khoáng sản chiến lược giai đoạn 1, giai đoạn 2 và Bộ Nông nghiệp và Môi trường. -Giúp tăng hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ tốt công tác quy hoạch và khai thác tài nguyên. Đồng thời góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian khảo sát, hạn

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	phòng, Phòng Kỹ thuật. Liên đoàn địa chất Xạ - Hiếm, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam		chế sai khác giữa các đơn vị thực hiện và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản.
70	Nhóm tác giả: 1. Ông Lê Quốc Hùng, Phó Cục trưởng. 2. Ông Nguyễn Thái Sơn, Phó Liên đoàn trưởng, Liên đoàn địa chất Xạ - Hiếm. 3. Ông Nguyễn Văn Nam, Chuyên viên chính, Phòng Địa chất. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.	Chủ trì, xây dựng Thông tư số 30/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2015/TTBTNMT ngày 25/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật công tác điều tra, đánh giá địa chất môi trường khu vực có khoáng sản độc hại.	Hiệu quả áp dụng - Áp dụng trong triển khai thi công các Đề án điều tra, đánh giá địa chất môi trường khu vực có khoáng sản độc hại. - Giúp cập nhật, hoàn thiện quy định kỹ thuật về điều tra, đánh giá địa chất môi trường khu vực có khoáng sản độc hại, bảo đảm phù hợp thực tiễn. Qua đó nâng cao chất lượng, độ chính xác kết quả, tăng hiệu quả quản lý và kiểm soát môi trường, đồng thời thống nhất quy trình thực hiện và góp phần sử dụng bền vững tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: khu vực có khoáng sản độc hại trong phạm vi toàn quốc.
71	Nhóm tác giả: 1. Ông Phan Hoàng Giang, Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính. 2. Ông Nguyễn Minh Quyền, Tổ trưởng, Viên chức	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu triển vọng quặng niken và khoáng sản đi kèm (Cu, Co, PGE) liên quan với các thành tạo mafic, siêu mafic miền Bắc Việt Nam, phục vụ điều tra, thăm dò khoáng sản.	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu giúp các cơ quan quản lý nhà nước triển khai các dự án điều tra cơ bản, thăm dò khoáng sản niken trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) đạt hiệu quả kinh tế và kỹ thuật. Được thể hiện qua việc định hướng các phương pháp thi công phù hợp với đặc điểm thạch luận các thành tạo mafic, siêu mafic và các tiền đề, dấu hiệu cũng như các yếu tố không chế quặng hóa Niken. Từ đó, xây dựng các nội dung công việc, khối lượng và dự toán thực hiện đảm bảo kỹ thuật và hiệu quả kinh tế.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	3. Ông Nguyễn Đắc Sơn, Phó Liên đoàn trưởng. Liên đoàn địa chất Xạ- Hiếm, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.		Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản, đơn vị sự nghiệp, tổ chức nghiên cứu, tư vấn, doanh nghiệp thăm dò – khai thác khoáng sản và các cá nhân liên quan.
72	Nhóm tác giả: 1. Ông Lê Quốc Hùng, Phó Cục trưởng. 2. Ông Dương Ngọc Tinh, Liên đoàn trưởng, Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ. 3. Ông Nguyễn Văn Nam, Chuyên viên chính, Phòng Địa chất. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Chủ trì, tham gia xây dựng hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành tài nguyên và môi trường thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Hiệu quả áp dụng - Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, tài nguyên địa chất, khoáng sản, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Hợp phần quy hoạch phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong ngành tài nguyên và môi trường góp phần nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trên cơ sở khai thác thế mạnh, các ưu điểm của kỹ thuật hạt nhân và đồng vị phóng xạ phục vụ cho lợi ích quốc gia; hướng tới tăng cường xã hội hóa đối với hoạt động trong các lĩnh vực liên quan của ngành TN&MT. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường
73	Nhóm tác giả: 1. Ông Trần Bình Trọng, Cục trưởng.	Chủ trì, tham gia xây dựng nội dung danh mục đất hiếm trong Danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực tài nguyên và môi trường quy định tại Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 10/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	Hiệu quả áp dụng Đảm bảo bí mật nhà nước về lĩnh vực địa chất và khoáng sản; Bảo mật các số liệu này ở mức độ “mật” sẽ giúp duy trì lợi thế cạnh tranh và bảo đảm an toàn thông tin. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	2. Ông Trần Thế Tài, Chánh Văn phòng. 3. Bà Trần Thị Kim Oanh, Phó Chánh Văn phòng. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.		
74	Nhóm tác giả: 1. Bà Đoàn Thị Mai Phương, Phó Trưởng phòng Lưu trữ và Thư viện địa chất. 2. Bà Trần Thị Kim Oanh, Phó Chánh Văn phòng. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Xây dựng các biểu mẫu tại Thông tư số 34/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu biểu thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và danh mục, quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu bảo tàng địa chất	Hiệu quả áp dụng - Sáng kiến góp phần thống nhất hệ thống mẫu biểu thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản và quy cách mẫu vật trên phạm vi toàn quốc; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm tính đồng bộ, chính xác của dữ liệu; tạo thuận lợi cho công tác thu thập, lưu trữ, khai thác và chia sẻ thông tin; giảm trùng lặp, sai sót trong quá trình thực hiện điều tra địa chất và hoạt động khoáng sản, đồng thời đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực địa chất, khoáng - Giúp các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện thống nhất quy định về mẫu biểu và mẫu vật địa chất, khoáng sản; tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình lập, quản lý và sử dụng dữ liệu; nâng cao chất lượng, tính minh bạch và khả năng khai thác, sử dụng lâu dài của thông tin, dữ liệu và mẫu vật địa chất, khoáng sản. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc
75	Bà Bùi Thị Xuân Hồng, Phó Trưởng phòng, Phòng Công nghệ đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý, Cục Đo đạc, Bản	Nghiên cứu đề xuất các chỉ tiêu thu nhận dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000 được quy định tại Thông tư số 59/2025/TT-BNNMT ngày 18/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật	Hiệu quả áp dụng - Nghiên cứu giúp hoàn thiện và chuẩn hóa quy định kỹ thuật trong xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia. Qua đó bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao chất lượng, độ chính xác của dữ liệu trên phạm vi toàn quốc. Nghiên cứu cũng góp phần tối ưu hóa quy trình thu thập, xử lý và cập nhật dữ liệu, giảm chồng chéo, tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện. Đồng thời, nâng cao hiệu

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000.	quả khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường. - Sáng kiến này được áp dụng để xây dựng nội dung QCVN 88:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000 ban hành kèm theo Thông tư số 59/2025/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (Phụ lục B Thu nhận dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000). Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc.
76	Bà Trần Thị Hồng Vân, Chuyên viên phòng Công nghệ đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Nghiên cứu thiết kế ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 nhóm lớp biên giới địa giới, dân cư, giao thông, thủy văn trong QCVN 87:2025/BNNMT được quy định tại Thông tư số 48/2025/TT-BNNMT ngày 14/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	Hiệu quả áp dụng - Nghiên cứu giúp chuẩn hóa hệ thống ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia theo quy định kỹ thuật thống nhất. Qua đó nâng cao tính chính xác, trực quan và khả năng khai thác, sử dụng thông tin bản đồ trong công tác quản lý nhà nước, quy hoạch, quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời góp phần bảo đảm tính đồng bộ trong xây dựng, cập nhật và chia sẻ dữ liệu bản đồ địa hình trên phạm vi toàn quốc, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường. - Góp phần hoàn thiện hóa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực đo đạc và bản đồ phù hợp với Luật đo đạc và bản đồ năm 2018, thay thế Thông tư số 12/2020/TT-BTNMT ngày 30/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000 không còn phù hợp. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc.
77	Bà Phạm Thu Hằng, Viên chức, Trung tâm Trắc địa và Bản đồ biển, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Chủ trì xây dựng nội dung: Quy định mô hình cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000 trong QCVN 88:2025/BNNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000 được quy định tại Thông tư số 59/2025/TT-BNNMT ngày 18	Hiệu quả áp dụng - Nghiên cứu giúp chuẩn hóa và thống nhất việc xây dựng, quản lý, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu nền địa lý trên phạm vi toàn quốc. - Giúp hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đồng bộ, thống nhất với bản đồ địa hình quốc gia, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và là cơ sở để sửa đổi hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật về đo đạc bản đồ phù hợp với công nghệ mới đang áp dụng để đo đạc, điều tra thu nhận thông tin của đối tượng địa lý. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
		tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000.	
78	Ông Trần Anh Tuấn, Trưởng phòng Công nghệ đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu giải pháp công nghệ kiểm tra, thẩm định chất lượng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.	Hiệu quả áp dụng Thông qua việc ứng dụng giải pháp công nghệ và tự động hóa các bước kiểm tra, thẩm định, nghiên cứu giúp rút ngắn đáng kể thời gian thực hiện, giảm khối lượng công việc thủ công, đồng thời nâng cao tính chính xác, khách quan và thống nhất trong đánh giá chất lượng dữ liệu. Công tác kiểm tra, thẩm định không còn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân của người thực hiện mà được thực hiện theo quy trình, tiêu chí rõ ràng, bám sát các quy định kỹ thuật hiện hành. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức được giao nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.
79	Bà Trần Thị Thu Hằng, Phó Trưởng phòng Chính sách - Pháp chế, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Tham gia nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nội dung của Luật Đo đạc và bản đồ tại Điều 6 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Hiệu quả áp dụng Việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung 29 điều của Luật Đo đạc và bản đồ trong Luật số 146/2025/QH15 giúp hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng công nghệ số, chia sẻ dữ liệu không gian địa lý, phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và quản lý nông nghiệp, môi trường bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
80	Ông Trần Duy Hạnh, Giám đốc, Trung tâm Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Nghiên cứu, triển khai kết nối dịch vụ bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ nền địa lý tỷ lệ nhỏ theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam https://vnsdi.mae.gov.vn/	Hiệu quả áp dụng Kết quả của việc nghiên cứu đã được triển khai trên Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam. Qua đó sẵn sàng cung cấp dịch vụ bản đồ theo mô hình Chính quyền địa phương 02 cấp cho các cơ quan Đảng, Chính phủ, Bộ, ngành và địa phương có đề nghị hỗ trợ kết nối. Các cơ quan Đảng, Chính phủ, Bộ, ngành và địa phương đã có các phản hồi tích cực, đánh giá hiệu quả cao tại các báo cáo, tổng kết kết quả triển khai. Tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 đến ngày 25 tháng 2 năm 2026 đã có trên 705 triệu lượt truy cập dịch vụ bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ nền tỷ lệ nhỏ trên Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc
81	Ông Nguyễn Thượng Hiền, Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn	Chủ trì, tổ chức xây dựng Thông tư số 21/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	Hiệu quả áp dụng Tạo sự thống nhất trong cách thức tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính ở Trung ương và địa phương; đồng thời, tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính và chi phí cho người dân, doanh nghiệp, gần dân hơn, phục vụ tốt hơn, đáp ứng nhu cầu nhanh chóng hơn, đảm bảo phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, góp phần hỗ trợ đắc lực và có hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc
82	Ông Hoàng Đức Cường, Phó Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn	Chủ trì, tổ chức xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành tại Quyết định số 1455/QĐ-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng: - Đề ra mục đích, yêu cầu, kế hoạch, giải pháp để triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 08/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: - Xây dựng lộ trình, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, dự án nhằm đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện Quy hoạch; Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện đầu tư

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			mới, nâng cấp, cải tạo các công trình, nhà trạm khí tượng thủy văn theo từng giai đoạn của Quy hoạch Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc.
83	Bà Đặng Thanh Mai, Phó Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn	Chủ trì, tổ chức xây dựng Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.	Hiệu quả áp dụng - Thiết lập một cơ sở pháp lý xử phạt VPHC đồng bộ và thống nhất tuyệt đối, khắc phục tình trạng thiếu hiệu lực pháp luật của các Nghị định cũ. - Bổ sung chế tài xử phạt cho khoảng 30 hành vi vi phạm mới phát sinh từ thực tiễn thi hành Luật KTTV năm 2015 - Nghị định mới góp phần bảo vệ an toàn cho hệ thống cơ sở hạ tầng quan trọng của ngành (công trình KTTV), vốn là tài sản nhà nước phục vụ công tác phòng chống thiên tai. Phạm vi ảnh hưởng: Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và hộ kinh doanh có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn trên lãnh thổ Việt Nam.
84	Bà Lê Thị Thu Hà, Chuyên viên, Phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu KTTV, Cục Khí tượng Thủy văn	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phù hợp với các quy định của Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO).	Hiệu quả áp dụng: - Là định hướng, làm cơ sở cho việc sửa đổi các quy định về dự báo, cảnh báo KTTV. - Là cơ sở để các đơn vị chuyên môn, các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV thực hiện, đảm bảo nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo KTTV. - Làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý phòng, chống thiên tai thực hiện công tác phòng, chống hiệu quả; là tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, giá trị và hữu dụng cho các nhà khoa học, các đơn vị nghiên cứu và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham khảo. Phạm vi ảnh hưởng Hệ thống dự báo cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
85	Ông Lê Thành Công, Viên chức Trung tâm Thông tin và Dữ liệu KTTV biệt phái tại Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Cục Khí tượng Thủy văn.	Xây dựng nội dung tại Điều 3, Điều 4, Điều 6 và biên tập, trình bày toàn bộ TCVN 12635-7:2025 Công trình quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 7: Bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện đo khí tượng thủy văn	Hiệu quả áp dụng TCVN được ban hành và áp dụng đã góp phần nâng cao độ tin cậy của số liệu khí tượng thủy văn, đáp ứng yêu cầu phục vụ dự báo, cảnh báo thiên tai; giảm chi phí sửa chữa lớn, thay thế thiết bị, công trình KTTV thông qua thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo tiêu chuẩn; tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các đơn vị quản lý mạng lưới KTTV trong công tác bảo dưỡng, kiểm tra công trình và phương tiện đo; đồng thời làm căn cứ xây dựng định mức kinh tế – kỹ thuật, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn. Phạm vi ảnh hưởng: Các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện đo khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên phạm vi cả nước.
86	Ông Nguyễn Trần Linh, Chánh Văn phòng Cục Khí tượng Thủy văn	Chủ trì, tổ chức triển khai xây dựng Chương I và Chương IV của Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	Hiệu quả áp dụng - Hoàn thiện thể chế pháp luật: Nghị định mới đã đảm bảo sự tương thích và đồng bộ với Luật Khí tượng Thủy văn 2015 và Luật Xử lý vi phạm hành chính, là cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nâng cao hiệu quả quản lý chuyên ngành: Việc xây dựng Chương I đã xác định đầy đủ và rõ ràng các hành vi vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực KTTV. - Tăng cường trách nhiệm thi hành ở cấp Bộ và địa phương: Chương IV (Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành) đã cụ thể hóa trách nhiệm của các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch UBND các cấp trong việc tổ chức thi hành Nghị định (Điều 27). - Góp phần bảo vệ tài sản quốc gia. Phạm vi ảnh hưởng Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn tại Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác quản lý, thi hành.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
87	Ông Bùi Đức Sơn, Chuyên viên chính, Văn phòng Cục Khí tượng Thủy văn	Chủ trì xây dựng Chương II: Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực khí tượng thủy văn (từ Điều 6 đến Điều 15) tại Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn	Hiệu quả áp dụng - Hiệu quả về mặt pháp lý và hệ thống văn bản: Khắc phục sự thiếu đồng bộ và mâu thuẫn: Chương II mới đã rà soát và điều chỉnh toàn bộ hành vi, mức phạt để đảm bảo tương thích tuyệt đối với Luật KTTV 2015 và Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung 2020); Bổ sung đầy đủ hành vi vi phạm mới: Dựa trên tổng kết thực tiễn, sáng kiến đã chi tiết hóa các vi phạm mới phát sinh liên quan đến công nghệ mới, dữ liệu số, và các hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát KTTV chuyên dùng; Nâng cao tính khoa học trong cấu trúc: - Hiệu quả về quản lý nhà nước và kinh tế - xã hội: Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước; Bảo vệ an ninh quốc gia và lợi ích cộng đồng (lợi ích kinh tế - xã hội lớn nhất); Cải thiện môi trường đầu tư; Tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước: Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc
88	Ông Đoàn Quang Trí, Phó giám đốc, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu Khí tượng Thủy văn, Cục Khí tượng Thủy văn (nay là Giám đốc Trung tâm Quan trắc đa ngành, Viện Các Khoa học Trái đất, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu cơ sở khoa học và xây dựng hệ thống cảnh báo nguy cơ sạt lở, sụt lún do hạn hán và khai thác nước ngầm cho khu vực bán đảo Cà Mau.	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu của đề tài đã được chuyển giao cho các đơn vị: - Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ và Tây Nguyên (nay là Đài KTTV Nam Bộ) để phục vụ trong việc ứng dụng hệ thống cảnh báo sạt lở, sụt lún khu vực bán đảo Cà Mau. - Chuyển giao cho Đài KTTV Tỉnh Cà Mau để phục vụ ứng dụng hệ thống cảnh báo sạt lở, sụt lún do hạn hán và khai thác nước ngầm hàng năm. - Chuyển giao cho Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia để tham khảo trong quá trình dự báo tác nghiệp các tác động của thiên tai KTTV đến các hoạt động kinh tế - xã hội. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan, tổ chức liên quan đến công tác cảnh báo sạt lở, sụt lún và quản lý khai thác nước ngầm.
89	Ông Hoàng Văn Đại, Phó Giám đốc Trung tâm Dự báo KTTV quốc	Xây dựng Hệ thống cảnh báo thời gian thực lũ quét, sạt lở đất dựa trên nền tảng số.	Hiệu quả áp dụng - Hệ thống đã trực tiếp cung cấp thông tin cảnh báo sớm có giá trị, góp phần hỗ trợ công tác sơ tán và bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của người dân trong các đợt mưa lũ lớn.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	gia, Cục Khí tượng Thủy văn		- Hệ thống đã tạo ra một công cụ hỗ trợ quyết định hiện đại, cho phép Dự báo viên giám sát, cảnh báo lũ quét và sạt lở đất với độ chi tiết và tốc độ cao, cung cấp thời gian cảnh báo sớm tăng thêm từ 2 đến 12 giờ so với phương pháp cũ, qua đó nâng cao tính kịp thời, chất lượng của công tác dự báo, cảnh báo KTTV quốc gia. Phạm vi ảnh hưởng Giải pháp này áp dụng rộng rãi và thiết thực trên phạm vi 22 tỉnh khu vực trung du và miền núi đã được nghiên cứu trong khuôn khổ dự án.
90	Ông Hoàng Phúc Lâm, Phó Giám đốc Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn quốc gia, Cục Khí tượng Thủy văn	Nghiên cứu ứng dụng các mạng nơ-ron chập (CNN) trong dự báo định lượng mưa hạn cực ngắn”, thuộc nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số mới để dự báo định lượng mưa hạn cực ngắn cho khu vực trung du, miền núi Việt Nam.	Hiệu quả áp dụng Nghiên cứu mang lại hiệu quả thực tiễn rõ rệt, nâng cao năng lực giám sát - dự báo cực ngắn hạn, giảm thiểu rủi ro trong các đợt mưa lớn bất thường, đồng thời là nền tảng để tiếp tục mở rộng ứng dụng mô hình học sâu trong dự báo mưa trên phạm vi toàn quốc. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh trung du và vùng núi trên toàn quốc.
91	Ông Trần Xuân Hiền, Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Lâm Đồng, Đài Khí tượng Thủy văn Nam Bộ, Cục Khí tượng Thủy văn.	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu dự báo các đợt mưa trái mùa tích hợp mô hình thủy văn dự báo nguồn nước khu vực Tây Nguyên thời hạn 3 tháng.	Hiệu quả áp dụng - Kết quả nghiên cứu của đề tài đã được chuyển giao cho các đơn vị tác nghiệp Dự báo trong khu vực nghiên cứu (Đài KTTV Trung Bộ và Đài KTTV Nam Bộ hiện nay). - Đã xây dựng bộ công cụ dự báo mưa lớn trái mùa thời hạn 3 tháng và dự báo nguồn nước trên các sông chính khu vực Tây Nguyên, ứng dụng mô hình thủy văn SWAT cho các lưu vực sông Ba, Sêsan, Srêpok và Đồng Nai. - Sản phẩm của Đề tài cũng tạo ra một hệ thống thông tin dữ liệu tổng hợp phục vụ công tác cảnh báo sớm các đợt mưa lớn trái mùa trong khu vực, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Phạm vi ảnh hưởng Kết quả nghiên cứu của đề tài được ứng dụng trong công tác dự báo nghiệp vụ và dự báo nguồn nước cho các sông chính khu vực Tây Nguyên tại Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và các Đài KTTV tỉnh Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Gia Lai, Lâm Đồng.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
92	Ông Trần Văn Hưng, Phó Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn Nam Bộ, Cục Khí tượng Thủy văn	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Xây dựng công nghệ dự báo tác động và cảnh báo rủi ro do bão, áp thấp nhiệt đới và lũ tại các tỉnh thuộc khu vực Trung Bộ.	Hiệu quả áp dụng - Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp nâng cao năng lực dự báo KTTV nói chung, dự báo tác động và cảnh báo rủi ro thiên tai bão/ATNĐ nói riêng, đồng thời tạo cơ sở khoa học vững chắc để dự báo tác động của các loại hình thiên tai khác theo quy định hiện hành. - Đề tài đã xây dựng công nghệ dự báo mới, hiện đại trong dự báo tác nghiệp, dự báo, cảnh báo những tác động của thiên tai gây ra đến các đối tượng, phạm vi cụ thể để đưa ra các giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả để hạn chế tối đa mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra, làm cho các kế hoạch và các hoạt động ứng phó có hiệu quả hơn. Phạm vi ảnh hưởng Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và các Đài KTTV tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng. Chuyển giao phương pháp, số liệu cho Trung tâm dự báo KTTV quốc gia, Viện Khoa học KTTV&BĐKH.
93	Ông Nguyễn Tuấn Quang, Phó Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu	1. Chủ trì, tổ chức xây dựng Thông tư số 72/2025/TT-BNNMT ngày 22/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định cấu trúc và xây dựng, cập nhật, duy trì, hướng dẫn khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu	Hiệu quả áp dụng Thông tư được ban hành góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về biến đổi khí hậu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; xây dựng chuẩn dữ liệu thống nhất cho cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và hướng dẫn khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu cho người dùng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và bảo đảm an toàn, bảo mật cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu
94		2. Chủ trì, tổ chức xây dựng Thông tư số 78/2025/TT-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số	Hiệu quả áp dụng - Thông tư được ban hành giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch, cụ thể: i) Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính; ii) Cắt giảm thành phần hồ sơ; iii) Cắt giảm thông tin kê khai trong đơn đề nghị.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
		15/2014/TT-BTNMT ngày 24/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022, Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15/11/2023, Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 và Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	- Trong quá trình triển khai thực hiện các quy định việc xây dựng, thực hiện dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto, thủ tục hành chính về Điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD đã được sửa đổi để giảm bớt thời gian thực hiện. Phạm vi ảnh hưởng Phạm vi áp dụng cho công tác quản lý liên Bộ, ngành, địa phương trong các hoạt động liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto (Điều chỉnh nội dung Thư phê duyệt PDD hoặc PoA-DD).
95	Bà Mai Kim Liên, Phó Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu	Chủ trì, tổ chức xây dựng Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu ban hành tại Quyết định số 4082/QĐ-BNNMT ngày 02/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Kế hoạch giúp triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật). - Kế hoạch đã phân công thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Bộ. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
96	Ông Lê Ngọc Tuấn, Phó Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu	Chủ trì, tổ chức xây dựng Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm	Hiệu quả áp dụng Kế hoạch đã phân công rõ trách nhiệm và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao tại Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
		nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW	70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Bộ Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
97	Bà Trần Thị Thanh Nga, Trưởng phòng Thích ứng Biến đổi khí hậu, Cục Biến đổi khí hậu	Tham gia xây dựng Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Hiệu quả áp dụng Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được ban hành đã hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ sau: - Triển khai các nội dung, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Bộ. - Hỗ trợ công tác quản lý, điều phối các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
98	Bà Nguyễn Đặng Thu Cúc, Phó Trưởng phòng Quản lý phát thải khí nhà kính và Bảo vệ tầng ô-dôn, Cục Biến đổi khí hậu	Tham gia xây dựng các quy định về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal quy định tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 và Thông tư 08/2025/TT-BNNMT ngày 17/6/2025.	Hiệu quả áp dụng Góp phần hoàn thiện khung pháp lý đồng bộ về quản lý ODS và HFC. Hệ thống mới thiết lập cơ chế kiểm soát định lượng thông qua hạn ngạch xuất, nhập khẩu gắn với cấp phép điện tử, qua đó tăng cường giám sát, minh bạch và trách nhiệm của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Sáng kiến bảo đảm nội luật hóa đầy đủ các nghĩa vụ theo Nghị định thư Montreal và Bản sửa đổi Kigali, giúp Việt Nam tuân thủ lộ trình cắt giảm, loại trừ các chất được kiểm soát; đồng thời nâng cao uy tín quốc tế và tạo điều kiện huy động hỗ trợ kỹ thuật, tài chính từ các cơ chế quốc tế. Phạm vi ảnh hưởng: Các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng các chất được kiểm soát; các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, địa phương và các ngành có liên quan

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
99	Ông Hà Quang Anh, Quyền Giám đốc Trung tâm Thích ứng biến đổi khí hậu và Trung hòa các-bon, Cục Biến đổi khí hậu	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn kiểm kê hấp thụ CO ₂ của cỏ biển ven bờ phục vụ việc kiểm kê khí nhà kính quốc gia.	Hiệu quả áp dụng Đề tài đã có những nghiên cứu rất cơ bản về hiện trạng và khả năng hấp thụ CO₂ - một loại khí nhà kính phổ biến - của cỏ biển ven bờ Việt Nam. Kết quả đã đánh giá được hiện trạng phân bố và thành phần cỏ biển ven bờ của Việt Nam; cung cấp cơ sở khoa học và phương pháp tính toán lượng hấp thụ CO₂ của hệ sinh thái cỏ biển ven bờ đồng thời đã ước tính thử nghiệm lượng hấp thụ CO₂ của cỏ biển ven bờ tại khu vực Phá Tam Giang - Thừa Thiên Huế. Phạm vi ảnh hưởng: các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị nghiên cứu, tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính và các bên liên quan.
100	Ông Nguyễn Văn Minh, Trưởng phòng Thị trường các-bon, Cục Biến đổi khí hậu	Tham mưu xây dựng nội dung về thị trường các-bon được quy định tại Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.	Hiệu quả áp dụng: - Bổ sung quy định cụ thể hơn về kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, quản lý tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon, quản lý và loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các chính sách giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. - Quy định chi tiết nội dung Luật Bảo vệ môi trường, phù hợp với quy định của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hoạt động làm mát bền vững, thân thiện khí hậu. Phạm vi ảnh hưởng: Áp dụng cho công tác quản lý liên Bộ, ngành, địa phương trong kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch phát thải, quản lý tín chỉ các-bon, phát triển thị trường các-bon và kiểm soát các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, góp phần hỗ trợ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện chính sách giảm phát thải và bảo vệ môi trường.
101	Nhóm tác giả: 1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh, Chuyên viên, Phòng Chính sách Pháp chế.	Xây dựng giải pháp tổng thể phân quyền, phân cấp và cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản tại Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi,	Hiệu quả áp dụng - Hiệu quả về mặt quản lý nhà nước: tương thích với mô hình chính quyền hiện nay, tạo hành lang pháp lý linh động để điều chỉnh các vướng mắc, bất cập;

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	2. Ông Dương Văn Cường, Phó Cục trưởng. Cục Thủy sản và Kiểm ngư	bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	- Hiệu quả về mặt kinh tế: Cắt giảm 03 thủ tục hành chính về cấp phép NTTS trên biển, đơn giản hoá nhiều thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư, kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, giảm nhiều chi phí cho người dân và doanh nghiệp Phạm vi ảnh hưởng Các tập thể, các nhân có liên quan đến lĩnh vực thủy sản trên toàn quốc
102	Nhóm tác giả: 1. Ông Tống Đức Cơ, Quyền Trưởng Phòng Chính sách - Pháp chế. 2. Ông Dương Văn Cường, Phó Cục trưởng. Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Xây dựng nguyên tắc phân định trách nhiệm xác minh, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm gần với phương tiện vi phạm là tàu cá để khắc phục những vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ	Hiệu quả áp dụng - Nâng cao hiệu quả, tính kịp thời trong xử lý vi phạm hành chính. Khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm giữa các địa phương, các lực lượng trong việc xử lý vi phạm hành chính đối với tàu cá vi phạm - Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với tàu cá. Góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống khai thác IUU. Tiết kiệm nguồn lực, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành. - Tác động tích cực về lâu dài đối với hệ thống pháp luật và quản trị ngành thủy sản, góp phần chuẩn hóa quy trình xử lý vi phạm hành chính đối với tàu cá, tạo tiền đề cho việc hoàn thiện thể chế, xây dựng các quy định pháp luật ổn định, thống nhất và phù hợp với thực tiễn Phạm vi ảnh hưởng Các tập thể, các nhân có liên quan đến lĩnh vực thủy sản trên toàn quốc
103	Nhóm tác giả: 1. Ông Hữu Tuấn Anh, Phó Trưởng phòng. 2. Bà Nguyễn Thị Trang, Chuyên viên.	Xây dựng giải pháp tăng cường phân cấp thẩm quyền, đơn giản hóa trình tự, thủ tục cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế được quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân	Hiệu quả áp dụng Góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân liên quan đến khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm; tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu khoa học. Đồng thời nâng cao tính minh bạch, công khai trong giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế phát sinh tiêu cực. Việc cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian xử lý hồ sơ còn giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền địa phương; thúc đẩy cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, hướng tới nền hành chính phục vụ hiện đại và chuyên nghiệp. Phạm vi ảnh hưởng: Áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Phòng Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản, Cục Thủy sản và Kiểm ngư	cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	
104	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Quang Hùng, Phó Cục trưởng. 2. Bà Ngô Thị Mai Thu, Chuyên viên, Phòng Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản. Cục Thủy sản và Kiểm	Xây dựng giải pháp quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong việc công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản được quy định khoản 2, Điều 8 Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Hiệu quả tác dụng Việc giao Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện và giao quyền đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản được xây dựng trên cơ sở bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp, đồng thời tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, quy định về phân định thẩm quyền theo Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Cách tiếp cận này bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất trong hệ thống pháp luật và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay. Phạm vi ảnh hưởng: Áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.
105	Nhóm tác giả: 1. Ông Trần Đình Luân, Cục trưởng 2. Bà Nguyễn Thị Phương Dung, Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế. 3. Bà Nguyễn Thủy Dương, Chuyên viên, phòng Khoa học	Thiết lập mô hình đối tác công - tư (PPP) trong hỗ trợ kỹ thuật quốc tế nhằm hiện đại hóa chuỗi giá trị thủy sản Việt Nam theo tiêu chuẩn chất lượng Nhật Bản	Hiệu quả tác dụng - Góp phần thúc đẩy các hoạt động hợp tác kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực giữa Việt Nam và Nhật Bản trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; đồng thời góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản của Việt Nam trong khuôn khổ 02 Đề án “Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản Việt Nam đến năm 2030” và “Đề án bảo vệ môi trường hoạt động thủy sản giai đoạn 2020-2030” - Hỗ trợ tiếp cận các công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến của Nhật Bản; - Góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, mở ra cơ hội xuất khẩu và thu hút đầu tư; - Ứng dụng các giải pháp bảo vệ môi trường trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, góp phần phát triển ngành bền vững;

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	công nghệ và Hợp tác quốc tế Cục Thủy sản và Kiểm ngư.		- Tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, tạo tiền đề cho hợp tác sâu rộng hơn trong tương lai. Phạm vi ảnh hưởng: các tập thể, các nhân có liên quan đến lĩnh vực thủy sản hai nước Việt Nam - Nhật Bản.
106	Nhóm tác giả: 1. Ông Ngô Thế Anh, Trưởng phòng, Phòng Nuôi trồng thủy sản 2. Bà Nguyễn Vũ Mai Anh, Chuyên viên, Phòng Nuôi trồng thủy sản. Cục Thủy sản và Kiểm	Xây dựng giải pháp phân quyền, phân cấp trong cấp, cấp lại Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển phù hợp mô hình chính quyền hai cấp	Hiệu quả tác dụng - Về quản lý nhà nước: Làm rõ, thống nhất thẩm quyền quản lý; gắn thẩm quyền cấp phép với trách nhiệm quản lý thực địa của địa phương; giảm chồng chéo, xung đột thẩm quyền trong quản lý nuôi trồng thủy sản trên biển. Về cải cách hành chính: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục (từ 90 ngày xuống 60 ngày), giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận dịch vụ công. - Về kinh tế – xã hội: Cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển theo hướng bền vững, ổn định sinh kế cho cộng đồng ven biển. Phạm vi ảnh hưởng: các địa phương ven biển trên toàn quốc, các tổ chức, cá nhân hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.
107	Nhóm tác giả: 1. Ông Châu Trần Vĩnh, Cục trưởng. 2. Ông Ngô Mạnh Hà, Phó cục trưởng. 3. Bà Nguyễn Thị Phương, Phó Trưởng phòng Lưu vực sông Hồng - Thái Bình. Cục Quản lý Tài nguyên nước.	Tham mưu, xây dựng nội dung sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tài nguyên nước trong Luật số 146/QH15/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Hiệu quả áp dụng - Kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp bộ máy, phân cấp, phân quyền và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thành các quy định pháp luật cụ thể. - Thực hiện phân cấp mạnh cho địa phương, giảm tải cho cấp Trung ương, nâng cao tính chủ động và kịp thời trong giải quyết công việc. - Góp phần tháo gỡ các vướng mắc, chồng chéo trong thực tiễn, hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phạm vi ảnh hưởng Áp dụng đối với: Các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương (Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan) và địa phương (UBND các cấp) trong thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
108	Nhóm tác giả: 1. Ông Châu Trần Vĩnh, Cục trưởng. 2. Ông Nguyễn Minh Khuyến, Phó Cục trưởng. 3. Ông Nguyễn Thành Đạt, Chuyên viên Văn phòng. Cục Quản lý tài nguyên nước.	Chủ trì, xây dựng Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	Hiệu quả áp dụng - Quy định rõ các hành vi cần xử phạt để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước, nhất là đối với các tổ chức, cá nhân có ý thức chấp hành pháp luật về tài nguyên nước. - Bảo đảm tính khả thi, thuận lợi cho các ngành, các cấp, các cơ quan và lực lượng thực thi pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật; nâng cao ý thức tuân theo pháp luật của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực tài nguyên nước trên toàn quốc
109	Nhóm tác giả: 1. Ông Châu Trần Vĩnh, Cục trưởng. 2. Ông Ngô Mạnh Hà, Phó Cục trưởng. 3. Bà Trần Thị Thu Hằng, Trưởng phòng LVS Hồng - Thái Bình. Cục Quản lý tài nguyên nước.	Chủ trì, xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa trên Lưu vực sông Hồng quy định tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	Hiệu quả áp dụng Đã vận hành công trình thuộc quy trình vận hành liên hồ chứa hiệu quả, góp phần cân đối, hài hòa giữa nhiệm vụ đảm bảo chống lũ, an toàn hạ du trong mùa lũ với nhiệm vụ bảo đảm cấp nước cho hạ du Đồng bằng sông Hồng trong mùa cạn, đặc biệt là vấn đề đảm bảo vận hành linh hoạt, phù hợp với tình hình diễn biến của thời tiết, biến đổi khí hậu và các ràng buộc về cung ứng điện. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý nhà nước; các đơn vị quản lý, vận hành hồ: Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang, Lai Châu, Bản Chát, Huội Quảng.
110	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Hồng Hiếu, Phó Cục trưởng.	Tham mưu xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của lĩnh vực tài nguyên nước liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp	Hiệu quả áp dụng Việc xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của lĩnh vực tài nguyên nước liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã hiện thực hóa quan điểm lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, động lực, mục tiêu của sự phát triển; lấy sự hài lòng

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Phó Chánh Văn phòng. Cục Quản lý tài nguyên nước.	và Môi trường ban hành tại Quyết định số Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; bảo đảm 05 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm” để đánh giá, đo lường, kiểm tra, giám sát; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Phạm vi ảnh hưởng: các Bộ, ngành, địa phương; các tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước trên phạm vi cả nước.
111	Ông Bùi Quang Đăng, Trưởng ban Ban Khoa học và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	1. Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác, chăm sóc cây lê, cây mận cho các tỉnh miền núi phía Bắc.	Hiệu quả áp dụng Sáng kiến đã được triển khai từ năm 2023 tại các tỉnh Lào Cai, Hà Giang và Sơn La với quy mô hàng chục hécta sản xuất cây mận và lê. Việc áp dụng quy trình giúp tăng năng suất, ổn định sản lượng, nâng cao chất lượng quả và tăng hiệu quả kinh tế khoảng 20% so với sản xuất truyền thống. Nhờ quản lý dịch hại tổng hợp và sử dụng vật tư hợp lý, chi phí giảm và thu nhập người trồng tăng từ 15–25%. Quy trình góp phần phát triển sản xuất theo hướng bền vững, thân thiện môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh miền núi phía Bắc
112		2. Tác giả chính Giống mận MV VAAS 24	Hiệu quả áp dụng Giống mận MV VAAS 24 đã được khảo nghiệm và đưa vào sản xuất thử tại Mộc Châu, Sơn La trong hai vụ 2023–2024 và bước đầu mở rộng tại một số địa phương vùng núi phía Bắc. Giống có thời gian chín muộn, giúp kéo dài thời vụ cung ứng sản phẩm, giảm áp lực tiêu thụ tập trung và nâng cao giá bán. Quả có khối lượng lớn, độ ngọt cao, chất lượng cảm quan tốt, góp phần tăng giá trị thương phẩm so với giống Tam Hoa. Việc đưa giống vào sản xuất giúp đa dạng hóa cơ cấu giống mận, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập cho người trồng. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh miền núi phía Bắc
113		3. Tác giả chính Giống mận MX VAAS 24	Hiệu quả áp dụng Giống lê MX VAAS 24 đã được khảo nghiệm và đưa vào trồng tại xã Đội Cấn, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn trong hai vụ 2023–2024 và được cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định. Giống có khối lượng quả lớn, mẫu mã

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			đồng đều, thịt quả mịn, ít hóa nâu sau cắt và chất lượng cảm quan cao, góp phần nâng giá trị thương phẩm so với giống địa phương. Thời gian chín trung muộn giúp bố trí cơ cấu giống hợp lý, giảm áp lực thu hoạch tập trung và nâng cao hiệu quả kinh tế. Việc áp dụng giống mới góp phần đa dạng hóa cơ cấu giống lê, cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng thu nhập cho người trồng. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh miền núi phía Bắc
114	Ông Lưu Ngọc Quyên, Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	1. Xây dựng 02 Bộ tài liệu “Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cà phê chè bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Tây Bắc Việt Nam”	Hiệu quả áp dụng - Với bộ tài liệu này, Viện đã tổ chức được: 10 lớp tập huấn TOT cho 200 lượt học viên tại 2 tỉnh Sơn La và Điện Biên năm 2023; 50 lớp TOF cho 2.000 hộ nông dân trên địa bàn 38 xã của 5 huyện thuộc 2 tỉnh Sơn La và Điện Biên trong năm 2023. - Đến nay, 02 bộ tài liệu này (TOT và TOF) đã được số hóa và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của các đơn vị sau: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (NAEC); Cục Trồng trọt và BVTV – Bộ Nông nghiệp và môi trường; Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc (NOMAFSI); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên; Bộ tài liệu đã được Trung tâm khuyến nông tỉnh Sơn La và Điện Biên áp dụng cho nhiều lớp tập huấn về canh tác cà phê chè bền vững tại địa phương. Phạm vi ảnh hưởng Là công cụ cho các cán bộ chuyên môn làm công tác khuyến nông, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp, HTX thực hiện hoạt động tập huấn, chỉ đạo sản xuất cà phê tại bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.
115		2. Xây dựng bộ dữ liệu của 120 loài cây trồng bản địa và cập nhật các dữ liệu của các loài cây trồng này lên hệ thống công cụ online D4R (Diversity for restoration)	Hiệu quả áp dụng - Nhờ bộ công cụ này, Viện đã triển khai việc lựa chọn các hệ thống cây trồng có tính thích ứng và hiệu quả cao nhờ việc sử dụng cây bản địa tại 2 tỉnh Lào Cai và Sơn La, cụ thể:

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			+ Tại Sa Pa - Lào Cai (cũ): đã xây dựng được 3 dạng mô hình canh tác 6 loài cây bản địa (với 2 loại cây dược liệu, 4 loại cây ăn quả) với quy mô 15ha tại 5 thôn với 31 hộ tham gia. + Tại Sơn La: đã xây dựng được 4 dạng mô hình canh tác 13 loài cây bản địa (chủ yếu các loại cây lâm nghiệp, cây cải tạo đất, cây ăn quả) với quy mô 33ha tại 7 thôn với 42 hộ tham gia. - Năm 2024, đã tổ chức tập huấn sử dụng công cụ D4R cho 50 cán bộ thuộc Sở Nông nghiệp và môi trường 2 tỉnh Sơn La và Lào Cai (Chi cục TT-BVTV, Trung tâm khuyến nông tỉnh, Chi cục kiểm lâm tỉnh), Sở KHCN 2 tỉnh Sơn La và Lào Cai; Cán bộ nông nghiệp, khuyến nông các huyện, thành phố của 2 tỉnh Sơn La và Lào Cai. Phạm vi ảnh hưởng: Người dân, nông hộ, hợp tác xã, vườn ươm, tổ chức bảo tồn, cơ quan quản lý và các đơn vị liên quan đến trồng rừng, phục hồi hệ sinh thái và phát triển nông lâm nghiệp.
116	Ông Trần Xuân Hoàng, Trưởng bộ môn Kỹ thuật canh tác Chè, Trung tâm Nghiên cứu và PT Chè, Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	1. Xây dựng quy trình sản xuất chè hữu cơ.	Hiệu quả áp dụng - Quy trình sản xuất chè hữu cơ được áp dụng cho giống chè VN15 tại Phú Thọ và giống Kim Tuyên tại Sơn La cho thấy sau 2–3 vụ áp dụng, năng suất búp tươi tăng 15,01 - 15,22% so với mô hình sản xuất chè thông thường đối chứng, trong khi giá bán chè hữu cơ tnh phẩm cao hơn 1,1 lần so với chè sản xuất thông thường, hiệu quả kinh tế tăng 15,10 - 22,46% - Quy trình dễ áp dụng, phù hợp với điều kiện canh tác của nông hộ, hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ; do đó, góp phần tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người trồng chè ở vùng miền núi phía Bắc. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ sở sản xuất chè tại Phú Thọ, Sơn La và một số vùng lân cận.
117		2. Xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13381-7:2026 Giống cây trồng nông nghiệp – Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng – Phần 7: Giống chè	Hiệu quả áp dụng - Việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) đối với cây chè đã góp phần hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá giống một cách khoa học và thống nhất.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			- Tiêu chuẩn quy định rõ đối tượng áp dụng cho các nhóm giống chè (Shan, Assamica, Trung Quốc lá to và lá nhỏ), đồng thời chuẩn hóa các yêu cầu về địa điểm, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ khảo nghiệm. Nhờ đó, nâng cao độ tin cậy của kết quả đánh giá giống, làm cơ sở chính xác cho việc tuyển chọn, công nhận và đưa giống mới vào sản xuất. - Tiêu chuẩn góp phần giảm rủi ro trong sản xuất do sử dụng giống không rõ nguồn gốc, nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng giống và hỗ trợ định hướng phát triển giống chè phù hợp với từng vùng sinh thái. Phạm vi ảnh hưởng Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất và kinh doanh giống chè.
118	Bà Hoàng Thị Lệ Hằng, Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	1. Xây dựng quy trình công nghệ bảo quản quả chuối tây	Hiệu quả áp dụng: - Kéo dài thời gian bảo quản chuối tây tối thiểu 30 ngày, giảm tỷ lệ hư hỏng xuống dưới 6%, hạn chế tổn thất sau thu hoạch và nâng cao chất lượng sản phẩm. - Giúp chủ động tiêu thụ, mở rộng phân phối, tăng giá trị kinh tế, thu nhập cho người trồng và bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng, môi trường. - Mang lại hiệu quả kinh tế cao với lợi nhuận thực tế đạt khoảng 22,85% sau 1 tháng bảo quản 10 tấn chuối. Phạm vi ảnh hưởng: các vùng trồng chuối tây miền bắc Việt Nam.
119		2. Xây dựng quy trình công nghệ chế biến sữa chuối	Hiệu quả áp dụng Quy trình công nghệ chế biến sữa chuối được ứng dụng phù hợp tại các cơ sở (hợp tác xã, xưởng sản xuất, nhà máy) chế biến đồ uống có các quy mô khác nhau trên cả nước tương ứng công suất trang thiết bị. - Xây dựng quy trình sản xuất sữa chuối tây lần đầu tại Việt Nam, tạo sản phẩm có hàm lượng chuối cao 14% và giữ nguyên nhiều dưỡng chất tự nhiên. - Giúp đa dạng hóa sản phẩm, ổn định đầu ra và nâng cao giá trị kinh tế của quả chuối tây. - Mang lại hiệu quả kinh tế cao với lợi nhuận khoảng 30,17%, tăng thu nhập gấp nhiều lần so với bán tươi.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			- Tạo thêm việc làm, mở rộng thị trường tiêu thụ và góp phần phát triển bền vững ngành hàng chuối. Phạm vi ảnh hưởng: các vùng trồng chuối tây miền bắc Việt Nam.
120		3. Xây dựng quy trình công nghệ xử lý cận thu hoạch cho chuối tây.	Hiệu quả áp dụng: Quy trình được áp dụng để cải thiện chất lượng, kéo dài thời gian thu hoạch và tăng khả năng bảo quản quả chuối tây tại Thành phố Hà Nội, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Phú Thọ và các vùng khác có điều kiện sinh thái tương tự. - Quy trình giúp tăng năng suất chuối tây đạt 38,0–40,2 tấn/ha, nâng hiệu quả kinh tế lên 13,8–15,4%. - Kéo dài thời gian thu hoạch 17,2–18,7 ngày và giảm mạnh tỷ lệ thối hỏng sau bảo quản xuống còn 2,63–3,13%. - Quy trình dễ áp dụng, phù hợp hộ dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trồng chuối tây. - Góp phần giải quyết tình trạng ứ ứ mùa vụ và nâng cao sức cạnh tranh của chuối Việt Nam trên thị trường xuất khẩu. Phạm vi ảnh hưởng: các vùng trồng chuối tây miền bắc Việt Nam
121	Bà Lê Thị Mỹ Hà, Kỹ sư, Bộ môn Cây ăn quả Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	1. Xây dựng quy trình kỹ thuật thâm canh rải vụ thu hoạch cho cây na dai tại Sơn La	Hiệu quả áp dụng Quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp rải vụ thu hoạch vào xây dựng 03 mô hình thực nghiệm (quy mô 1,0 ha/mô hình, số cây 500 cây/ha) trên cây na dai tại Mai Sơn, Sơn La cho năng suất thực thu của mô hình thâm canh rải vụ đạt 16,07 - 16,66 tấn/ha, năng suất tăng cao hơn 37,5 - 42,5%. Hiệu quả kinh tế của các mô hình tổng doanh thu là 491,1 - 512,19 triệu đồng/ha, lãi thuần đạt 351,2 - 372,29 triệu đồng. Thời gian thu hoạch quả chính vụ tập trung trong tháng 8 (từ 3/8 đến 29/8); quả rải vụ thu hoạch từ 20/9 và kết thúc vào 25/11. Thời gian thu hoạch quả rải vụ muộn hơn so với thu hoạch quả chính vụ khoảng 3 tháng. Phạm vi ảnh hưởng: quy trình được áp dụng cho sản xuất rải vụ na dai tại Sơn La và các vùng có điều kiện sinh thái tương tự.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
122		2. Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác, chăm sóc cây lê cho các tỉnh vùng miền núi phía Bắc	Hiệu quả áp dụng Quy trình kỹ thuật canh tác vào xây dựng 3 ha mô hình thâm lê tại Hà Giang, Lào Cai, Lạng Sơn. Quy trình kỹ thuật áp dụng sản xuất cho giống lê MX và lê HS, năng suất đạt 9,4 - 11,34 tấn/ha (quy mô 500 cây/ha), năng suất tăng từ 31,0 - 58,1%, lợi nhuận thu được trên/ha cao hơn từ 55,05 – 79,93% so với sản xuất đại trà. Trong đó: Mô hình thâm canh tại huyện Đồng Văn (Hà Giang) năng suất 11,34 tấn/ha, tổng doanh thu là 407,90 triệu đồng/ha, lãi thuần đạt 245,15 triệu đồng. Mô hình thâm canh tại huyện Bắc Hà (Lào Cai) năng suất 10,44 tấn/ha, tổng doanh thu là 376,40 triệu đồng/ha, lãi thuần đạt 228,65 triệu đồng/ha. Mô hình thâm canh tại huyện Tràng Định (Lạng Sơn) năng suất 9,40 tấn/ha, tổng doanh thu là 340,00 triệu đồng/ha, lãi thuần đạt 211,25 triệu đồng/ha. Phạm vi ảnh hưởng: quy trình được áp dụng cho cây lê tại các tỉnh vùng miền núi phía Bắc.
123	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phó Viện trưởng, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Hoàn thiện quy trình công nghệ tổng hợp để tái canh cây cam hiệu quả cao tại một số tỉnh phía Bắc.	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất tại một số vùng trồng cam trọng điểm các tỉnh phía Bắc, góp phần giải quyết căn bản tình trạng suy thoái vườn cam do tái canh không đúng kỹ thuật, đặc biệt là suy thoái liên quan đến bệnh vàng lá Greening, vàng lá thối rễ và các sinh vật gây hại trong đất. Phạm vi ảnh hưởng: các vùng trồng cam trọng điểm các tỉnh phía Bắc
124	Nhóm tác giả: 1. Bà Khổng Ngân Giang, Nghiên cứu viên chính. 2. Ông Nguyễn Văn Toàn, Nghiên cứu viên. 3. Bà Lê Thị Như, Cán bộ hợp đồng.	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia: Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo giống cà phê vối (Robusta) kháng tuyến trùng.	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu hỗ trợ các nhà chọn tạo giống và nông dân lựa chọn giống phù hợp hơn với điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu, từ đó giúp duy trì thu nhập ổn định. Ngoài ra, nghiên cứu cũng giúp nâng cao năng lực nghiên cứu chọn giống ứng dụng công nghệ sinh học, góp phần phục vụ lâu dài cho công tác cải tiến giống cà phê trong nước. Phạm vi ảnh hưởng: các cơ quan, tổ chức nghiên cứu cà phê.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ tế bào thực vật, Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.		
125	Ông Mai Văn Trinh, Viện trưởng Viện Môi trường Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	Xây dựng phương pháp và hướng dẫn thực hành đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) lúa chất lượng cao phát thải thấp đồng bằng sông Cửu Long.	Hiệu quả áp dụng Sáng kiến xây dựng phương pháp và hướng dẫn thực hành MRV cho lúa chất lượng cao phát thải thấp đã tạo ra hiệu quả rõ rệt cả về quy mô, môi trường và quản lý. Với phạm vi triển khai 3,8 triệu ha lúa tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 2023–2030, hệ thống MRV cho phép đo đạc, báo cáo và thẩm định một cách minh bạch, có kiểm chứng, qua đó xác nhận được hàng triệu tấn CO₂ tương đương giảm phát thải từ thực hành canh tác của nông dân. Kết quả này không chỉ cung cấp cơ sở dữ liệu tin cậy phục vụ kiểm kê khí nhà kính mà còn trực tiếp đóng góp vào việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), hỗ trợ xây dựng NDC 3.0 và thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong Thỏa thuận Paris. Đồng thời, sáng kiến còn tạo nền tảng cho phát triển thị trường carbon trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất lúa và góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Phạm vi ảnh hưởng: vùng Đồng bằng sông Cửu Long
126	Ông Ngô Doãn Tài, Trưởng phòng Thử nghiệm giống cây trồng, Viện Cây lương thực và Cây Thực phẩm, Viện	Tác giả chính giống lúa HDR7	Hiệu quả tác dụng Giống lúa HDR7 là giống lúa thuần chất lượng cao. Canh tác giống lúa HDR7 một mặt có thể đảm bảo việc duy trì về năng suất và giá trị hạt gạo so với việc canh tác giống lúa khác, bên cạnh đó giống lúa HDR7 chống chịu tốt với sâu bệnh hại, vì vậy hạn chế được lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong sản xuất, mang lại lợi ích về môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Với những đặc tính nổi trội, giống lúa HDR7 đã

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	KHNN Việt Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.		được các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp quan tâm và hợp tác cùng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm để đưa giống lúa tiếp cận với người sản xuất. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ.
127	Ông Nguyễn Ngọc Quát, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ, Viện Cây lương thực và Cây Thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	1. Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước: Hợp tác nghiên cứu và phát triển một số cây đậu đỗ: đậu đen (<i>Vigna unguiculata</i> L.) Walp. đậu cove (<i>Phaseolus vulgaris</i> L.) và lạc (<i>Arachis hypogaea</i> L.) tại Việt Nam và Cuba.	Hiệu quả áp dụng - Đã trao đổi nguồn gen đậu đỗ giữa Việt Nam và Cuba: Phía Việt Nam cung cấp cho Cuba 59 mẫu giống. Trong đó, 20 mẫu giống lạc và 39 mẫu giống đậu Cove. Cuba chuyển cho Việt Nam 65 mẫu giống. Trong đó, 49 mẫu giống đậu rau và đậu cove, 6 mẫu đậu đen, 10 mẫu giống lạc. - Đã tuyển chọn tự công bố lưu hành 03 giống đậu đỗ tại Việt Nam (ĐEV19, ĐRV18, LV20). Tại Cuba đã công nhận 06 giống lạc mới. - Đã đào tạo kỹ thuật canh tác về cây đậu đỗ cho 6 chuyên gia Cuba tại Việt Nam và 40 kỹ thuật viên Cuba tại Cuba. Phạm vi ảnh hưởng 03 giống cây trồng mới và 3 quy trình canh tác mới được mở rộng phát triển tại các tỉnh phía bắc, đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên.
128		2. Tác giả chính giống đậu rau ĐRV18	Hiệu quả áp dụng Giống đậu rau ĐRV18 có những đặc tính nổi trội như sinh trưởng phát triển tốt thích hợp với điều kiện sinh thái ở Việt Nam, năng suất cao và ổn định. Giống đậu rau ĐRV18 có một số đặc tính nổi bật so với các giống đậu rau hiện đang sản xuất ở Việt Nam như: Chịu nhiệt (giống sinh trưởng phát triển tốt trong điều kiện nhiệt độ cao, đây là giai đoạn ở Việt Nam đang thiếu các giống rau) Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh Ninh Bình, Tuyên Quang, Hà Nội, Hải Phòng...

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
129		3. Tác giả chính giống đậu lạc LV20	Hiệu quả áp dụng Giống lạc LV20 có những đặc tính nổi trội như sinh trưởng phát triển tốt thích hợp với điều kiện sinh thái ở Việt Nam, năng suất cao và ổn định chịu hạn tốt. Năng suất đạt từ 3,5 - 4,0 tấn/ha, Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh Ninh Bình, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh...
130	Bà Nguyễn Thị Miên, Trưởng Bộ môn Cây thực phẩm và Nông nghiệp công nghệ cao. Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	1. Nghiên cứu chọn tạo giống cà chua quả nhỏ Kim Mật phục vụ ăn tươi thích hợp cho vùng đồng bằng Sông hồng và Trung du miền núi Phía Bắc.	Hiệu quả áp dụng Giống cà chua quả nhỏ Kim Mật có khả năng sinh trưởng mạnh, thuộc dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn, thời gian sinh trưởng 135 - 145 ngày vụ xuân hè và 140 - 150 ngày vụ thu đông. Năng suất đạt 46,60 - 48,99 tấn/ha trong vụ xuân hè, vượt so với giống đối chứng từ 20,48 – 24,34% và 47,64 - 53,65 tấn/ha trong vụ thu đông, vượt so với giống đối chứng từ 20,15 – 31,40 %. Dạng quả tròn dài, độ Brix từ 8,5 - 11,5%, khi chín quả có màu vàng, đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng và thị hiếu thị trường. Giống chống chịu khá với bệnh héo xanh vi khuẩn, góp phần hạn chế thiệt hại do sâu bệnh, giảm chi phí bảo vệ thực vật, nâng cao tính ổn định và bền vững trong sản xuất. Phạm vi ảnh hưởng Giống cà chua Kim Mật thích hợp trồng trên chân đất vằn, vằn cao, bãi ven sông chủ động nước tưới trong vụ Xuân hè, Thu đông, tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng và Trung du miền núi phía Bắc.
131		2. Nghiên cứu chọn tạo giống lúa HDR7 cho các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng	Hiệu quả áp dụng: Giống lúa HDR7 là giống lúa thuần chất lượng cao. Canh tác giống lúa HDR7 một mặt có thể đảm bảo việc duy trì về năng suất và giá trị hạt gạo so với việc canh tác giống lúa khác, bên cạnh đó giống lúa HDR7 chống chịu tốt với sâu bệnh hại, vì vậy hạn chế được lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong sản xuất, mang lại lợi ích về môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Với những đặc tính nổi trội, giống lúa HDR7 đã được các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp quan tâm và hợp tác cùng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm để đưa giống lúa tiếp cận với

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			người sản xuất, các doanh nghiệp đó bao gồm: Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Thái Nguyên; Công ty TNHH Mầm Vàng. Phạm vi ảnh hưởng Các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ
132	Nhóm tác giả: 1. Ông Trịnh Đức Toàn, Phó Viện trưởng Phụ trách. 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nghiên cứu viên. 3. Bà Thái Thị Thanh Trà, Nghiên cứu viên. Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước: Nghiên cứu và phát triển nguồn gen Cam Nam Đông và Bưởi đỏ Hương Hồ tại Thừa Thiên Huế	Hiệu quả áp dụng - Xây dựng được vườn duy trì giống gốc; Vườn nhân giống; Quy trình nhân giống, quy trình trồng và thâm canh cam Nam Đông và bưởi đỏ Hương Hồ, Quy trình thu hoạch, bảo quản cho mỗi nguồn gen cam Nam Đông và bưởi đỏ Hương Hồ và các mô hình sản xuất. - Mô hình năng suất tăng tối thiểu 15% và tăng hiệu quả kinh tế trên 20% so với sản xuất đại trà sẽ là tài liệu trực quan hiệu quả cho người dân trong vùng học tập và mở rộng quy mô sản xuất, có áp dụng tiến bộ kỹ thuật. - Việc ứng dụng nhiều kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong sản xuất sẽ làm giảm đáng kể những tác động xấu đến môi trường, giảm việc sử dụng loại thuốc bảo vệ thực vật, rác thải về bao bì thuốc gây ô nhiễm, bảo vệ và phát triển tốt hơn các thiên địch của sâu bệnh, bảo vệ sức khỏe của nhân dân đồng thời tạo ra môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp cho khu vực. Phạm vi ảnh hưởng: Áp dụng cho vùng trồng Cam, Bưởi chính của tỉnh Thừa Thiên Huế và các vùng có điều kiện sinh thái tương tự.
133	Nhóm tác giả: 1. Bà Lưu Thị Trâm, Nghiên cứu viên. 2. Ông Lê Văn Trường, Nghiên cứu viên chính. 3. Bà Nguyễn Thị Nhàn, Nghiên cứu viên.	Nhóm tác giả giống vùng VBTB15.1	Hiệu quả áp dụng Giống có năng suất đạt 1,3 -1,5 tấn/ha, chịu hạn điểm 2, kháng bệnh đốm lá điểm 3, bệnh héo rũ vàng điểm 2, khối lượng 1000 hạt từ 2,7-3,0gr, hàm lượng lipid 48,40%, protein 18,50%, thời gian sinh trưởng 70-80 ngày, không phân cành. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.		
134	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Đức Anh, Giám đốc Trung tâm. 2. Ông Nguyễn Tất Hóa, Nghiên cứu viên. 3. Bà Trần Thị Thùy, Nghiên cứu viên. Trung tâm Chuyển giao công nghệ và khuyến nông, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất gắn với tiêu thụ lúa gạo theo hướng hữu cơ tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị).	Hiệu quả áp dụng: Khi áp dụng sáng kiến vào sản xuất lúa theo hướng hữu cơ cho lợi nhuận tăng 22,12 đến 25,71% so với ST25 sản xuất thông thường, tạo ngành nghề sản xuất lúa gạo, cấp sản phẩm sạch góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, hạn chế ảnh hưởng tới môi trường sinh thái, tạo điều kiện cho các loại côn trùng có lợi phát triển, giúp cân bằng hệ sinh thái đồng ruộng. Phạm vi ảnh hưởng: các vùng sản xuất lúa gạo trên cả nước.
135	Ông Phạm Duy Trình, Nghiên cứu viên chính Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Bắc Trung Bộ,	Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen xoài Tương Dương và cây hồng bản địa theo hướng sản xuất hàng hóa tại Nghệ An và Hà Tĩnh	Hiệu quả áp dụng Đã xây dựng thành công mô hình thâm canh trên vườn cũ hiện có đối với các nguồn gen nghiên cứu. Kết quả: - Đối với cây hồng nửa Nam Đàn, năng suất trung bình 2 năm đạt 22,9 tấn/ha, tăng 33,1% so với sản xuất đại trà, doanh thu của mô hình đạt 458,0 triệu đồng/ha/năm, lợi nhuận tăng thêm so với sản xuất của dân là 132.630.000

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.		đồng/ha/năm x 2 năm = 265.260.000 đồng. Đối với cây hồng vuông không hạt Thạch Hà, năng suất trung bình 2 năm đạt 71,69 tấn/ha, tăng 42,3% so với đối chứng của dân, doanh thu của mô hình đạt 1,147 tỷ đồng/ha/năm, lợi nhuận tăng thêm so với sản xuất của dân là 248.030.000 đồng/ha/năm x 2 năm = 496.060.000 đồng. - Đối với cây xoài Tương Dương, năng suất trung bình 2 năm đạt 19,5 tấn/ha, tăng 33,9% so với sản xuất đại trà, doanh thu của mô hình đạt 468,0 triệu đồng/ha/năm, lợi nhuận tăng thêm so với sản xuất của dân là 143.930.000 đồng/ha/năm x 2 năm = 287.860.000 đồng. Như vậy, tổng lợi nhuận tăng thêm (trên 3ha mô hình thâm canh trên vườn cũ) của cả đề tài trong 2 năm là: 265.260.000đ + 496.060.000đ + 287.860.000đ = 1.049.180.000 đồng. Với diện tích mở rộng sản xuất sau khi kết thúc đề tài khoảng 41ha, lợi nhuận tăng thêm đem lại cho sản xuất là: 5.953.530.000 đồng Phạm vi ảnh hưởng: áp dụng đối với cây hồng và cây xoài bản địa trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.
136	Bà Hoàng Thị Huệ, Trưởng Bộ môn Đa dạng sinh học nông nghiệp, Trung tâm Tài nguyên thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác 03 nguồn gen lúa đặc sản (Nếp Bản Luốc, Khẩu Mường Lò, Khẩu Tan Đón)	Hiệu quả áp dụng Sáng kiến đã được thực hiện trên quy mô 10ha/giống trong vụ Mùa năm 2025 và đạt được hiệu quả kinh tế như sau: - Mô hình lúa Nếp Bản Luốc tại Hà Giang (Tuyên Quang mới): Hiệu quả kinh tế tăng 19,4 – 20,0% so với sản xuất dùng giống chưa phục tráng và theo tập quán truyền thống. - Mô hình lúa Khẩu Mường Lò tại Lai Châu: Hiệu quả kinh tế tăng 17,9 – 18,5%. - Mô hình lúa Khẩu Tan Đón tại Lào Cai: Hiệu quả kinh tế tăng 16,4 – 18,2%. - Đồng thời, quy trình là cơ sở khoa học phục vụ công tác bảo tồn, khai thác và phát triển bền vững nguồn gen lúa đặc sản, gắn sản xuất với truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu nông sản địa phương. Phạm vi ảnh hưởng: áp dụng tại huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang, tỉnh Lai Châu, tỉnh Lào Cai.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
137	Ông Đào Minh Sô, Trưởng Bộ môn Chọn tạo giống cây trồng, kiêm Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp Mười, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam., Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	1. Chủ nhiệm đề tài: Chọn tạo giống lúa màu đặc sản và xây dựng mô hình sản xuất ở các tỉnh vùng Đông Nam bộ.	Hiệu quả áp dụng - Hơn 40 ha “Mô hình thực chứng” tại TPHCM và Tây Ninh sử dụng giống lúa màu mới (SR20, SR21) và “Quy trình canh tác giống lúa màu cải tiến theo hướng hữu cơ” đạt hiệu quả kinh tế cao rất cao, làm tăng lợi nhuận từ 23,0-32,6% so với tập quán canh tác của nông dân. - Bên cạnh những hộ nông dân sản xuất riêng lẻ, thì có nhiều doanh nghiệp đã áp dụng sản phẩm đề tài như: Công ty TNHH Lúa vàng Việt (SR20/Tây Ninh cũ), HTX Tiên Đạt (SR20/Vĩnh Long), HTX Thanh Nhân (SR20 và SR21/Long An cũ, đạt chứng nhận hữu cơ Nhật năm 2025), Công ty TNHH Bách Mộc Global (SR20/TPHCM), Công ty TNHH Công nghệ SATY (SR21/TPHCM), Công ty Sinh học Lương thực HASA BIO Foods (SR21/TPHCM), HTX Tam Nông (SR21/TPHCM), Công ty Cổ phần Hoàng Thành (SR21/TPHCM), Công ty TNHH XNH Tân Bảo Châu (SR20, SR21/TPHCM). Sản phẩm thương mại (từ kết quả đề tài) của các đơn vị nêu trên đã phổ biến với giá trị rất cao, từ 40-80 ngàn đồng/kg gạo SR20 và từ 60-110 ngàn đồng/kg gạo SR21. Phạm vi ảnh hưởng Các vùng sản xuất lúa ở khu vực phía Nam và một số địa phương liên quan trên cả nước, nơi giống lúa màu SR20, SR21 và quy trình canh tác hữu cơ được chuyển giao và áp dụng.
138		2. Chủ nhiệm đề tài: Phục tráng giống lúa Mẹ và xây dựng mô hình canh tác hữu cơ theo chuỗi giá trị tại các xã miền núi tỉnh Bình Thuận.	Hiệu quả áp dụng - 20 ha “Mô hình canh tác hữu cơ giống lúa Mẹ theo chuỗi giá trị” tại xã Phan Sơn đạt hiệu quả kinh tế rất cao, lợi nhuận 30,9 tr.đ/ha, đạt chứng nhận hữu cơ Việt Nam, liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm mô hình với doanh nghiệp (Công ty TNHH Bách Mộc Global, TPHCM).

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			- Sáng kiến đã được lan tỏa mạnh mẽ đến người đồng bào, cán bộ địa phương, phương tiện truyền thông (cá nhân và chính thống), các doanh nghiệp và cá nhân quan tâm đến văn hóa bản địa. Người đồng bào có cơ hội tiếp cận thực tiễn “giống phục tráng” và “mô hình thực chứng” nên đã được thuyết phục về hiệu quả của việc cải tiến trong canh tác giống lúa Mẹ. - Nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập từ giống lúa Mẹ cho người đồng bào, đóng góp vào việc giữ gìn và lan tỏa giá trị văn hóa bản địa. Phạm vi ảnh hưởng: Các tiểu vùng canh tác lúa bản địa ở khu vực Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nguyên.
139	Ông Ngô Minh Dũng, Giám đốc, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	Xây dựng kỹ thuật canh tác cây cà phê vối đa thân với công nghệ tưới tiết kiệm	Hiệu quả áp dụng - Kết quả so sánh các mô hình cho thấy, năng suất ở 30 và 42 tháng sau trồng tăng tương ứng là 166% và 120% so với đối chứng; chi phí công lao động giảm đến 80%; hiệu quả kinh tế là cao hơn từ 1,3 - 1,9 lần khi so sánh 2 mô hình canh tác. - Giúp người trồng cà phê sử dụng chi phí đầu tư cho vườn cà phê một cách hợp lý, đặc biệt là sử dụng kết hợp giữa tưới nước, cung cấp dinh dưỡng và thuốc bảo vệ thực vật trên vườn cà phê. - Quy trình kỹ thuật này giúp người trồng cà phê tại Tây Nguyên thu được năng suất cao và có hiệu quả kinh tế cao hơn so với quy trình canh tác truyền thống. Phạm vi ảnh hưởng: vùng trồng cà phê tại Tây Nguyên và những vùng có điều kiện tương tự.
140	Ông Nguyễn Thế Nhuận, Giám đốc, Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp	1. Tác giả chính giống cà rốt CR21.36	Hiệu quả áp dụng Tại Lâm Đồng (cũ) mô hình giống cà rốt CR21.36 đạt 46,9-48,9 tấn/ha, cao hơn giống đối chứng 12,2-16,4%, doanh số đạt 609,700-709,050 triệu đồng/ha, lợi nhuận đạt 449,135-553,180 triệu đồng/ha. Tại Đắk Lắk (cũ) mô hình năng suất đạt 43,9-44,1 tấn/ha, cao hơn giống đối chứng 10,5-15,5 %, doanh số đạt 658,500-683,355 triệu đồng/ha, lợi nhuận đạt 502,630-523,000 triệu đồng/ha; Tại Gia Lai (cũ) mô hình năng suất đạt 42,3-43,8 tấn/ha, cao hơn giống đối

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.		chứng 13,4-14,6%, doanh số đạt 634,500-657,000 triệu đồng/ha, lợi nhuận đạt 488,630-496,435 triệu đồng/ha. Phạm vi ảnh hưởng: các vùng trồng cà rốt của một số tỉnh Tây Nguyên từ năm 2024- nay.
141		2. Tác giả chính giống khoai tây TK16.09	Hiệu quả áp dụng - Giống KT16.09 có tiềm năng năng suất cao, trung bình đạt từ 25-30 tấn/ha, chống chịu tốt virus và bệnh mốc sương, thời gian sinh trưởng 85-90 ngày, dạng cây nửa đứng, khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, dạng củ hình oval, vỏ củ màu vàng, mắt củ nông, thịt củ màu vàng nhạt. Hàm lượng chất khô đạt >20%, hàm lượng đường khử đạt 0,30%, phù hợp cho chế biến chips công nghiệp. - Doanh thu sản xuất giống khoai tây TK16.09 ước đạt trung bình từ 300-350 triệu đồng/ha, lợi nhuận ước đạt từ 150-200 triệu đồng/ha/4 tháng Phạm vi ảnh hưởng: các vùng trồng khoai tây của một số tỉnh Tây Nguyên từ năm 2024- nay.
142		3. Tác giả chính giống cà chua NT225	Hiệu quả áp dụng - Giống có thời gian sinh trưởng từ 140-150 ngày, dạng hình sinh trưởng vô hạn, chống chịu khá tốt với bệnh mốc sương, héo xanh và vi rút gây xoắn lá. Giống có dạng quả cherry, quả đẹp (hình tròn), quả chín màu vàng cam, thịt quả dày, ít hạt, độ brix đạt 10,9-11,2%. Giống có tiềm năng năng suất cao và ổn định, trung bình đạt 58,7 tấn/ha, cao hơn giống đối chứng 10-12%. - Doanh thu trong mô hình đối với giống NT225 đạt 1.794.000 đồng, lợi nhuận đạt 1.041.975 đồng cao hơn 17,6% so với ngoài mô hình. triệu đồng/ha/5 tháng. Phạm vi ảnh hưởng: các vùng trồng cà chua của một số tỉnh Tây Nguyên từ năm 2023- nay.
143	Bà Thân Thị Thu Hạnh, Phó trưởng bộ môn Phụ trách bộ môn Chọn Tạo Giống, Viện Nghiên cứu Mía	Xây dựng quy trình sản xuất giống mía 3 cấp	Hiệu quả áp dụng - Các mô hình sản xuất mía giống cấp 1, 2, 3 bằng cây cấy mô và hom mầm sạch bệnh đều cho năng suất cao (78,5–90 tấn/ha), vượt đối chứng từ 16–18%. - Giống mía đạt tiêu chuẩn chất lượng theo TCVN, đảm bảo hiệu quả kỹ thuật và ổn định nguồn giống.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	đường, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.		- Giá thành sản xuất hợp lý, tạo hiệu quả kinh tế cao với lợi nhuận đạt trên 30–40 triệu đồng/ha. - Góp phần mở rộng sản xuất giống mía sạch bệnh, phát triển vùng mía bền vững và ổn định sinh kế người trồng mía. Phạm vi áp dụng: các vùng trồng mía trên toàn quốc.
144	Ông Trần Công Thắng, Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Chủ trì xây dựng báo cáo giải pháp chiến lược phát triển nông nghiệp xanh, hiện đại cho mục tiêu tăng trưởng “2 con số phục vụ xây dựng Đề án: Các giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số” trong Kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.	Hiệu quả áp dụng Góp phần giúp Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ được giao trong triển khai các Nghị quyết của Chính phủ: Số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Nông nghiệp và Môi trường.
145	Ông Nguyễn Đình Thọ, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu đề xuất cơ chế, giải pháp khuyến khích, đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường.	Hiệu quả áp dụng Nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và môi trường trên nền tảng số, giảm chi phí hành chính, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Đồng thời, tăng cường minh bạch, chất lượng dịch vụ công, hỗ trợ ra quyết định chính xác, nâng cao sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và chất lượng nguồn nhân lực. Các giải pháp cũng giúp cải thiện năng lực giám sát, dự báo môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phạm vi ảnh hưởng: ngành Tài nguyên và Môi trường
146	Bà Trương Thị Thu Trang, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển bảo hiểm nông nghiệp.	Hiệu quả áp dụng - Kinh tế: Góp phần hoàn thiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp, giảm chi phí triển khai, mở rộng tỷ lệ tham gia và nâng cao hiệu quả thị trường; giúp người sản xuất giảm thiệt hại, ổn định thu nhập và tăng khả năng chống chịu của ngành nông nghiệp. - Xã hội: Nâng cao khả năng quản trị rủi ro của nông dân, tăng tính chủ động ứng phó thiên tai, giảm gánh nặng hỗ trợ của Nhà nước; đồng thời góp phần bảo đảm

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			an sinh xã hội, ổn định đời sống và thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực bảo hiểm nông nghiệp thuộc ngành Nông nghiệp Việt Nam.
147	Bà Nguyễn Thị Hà, Phó Chánh Văn phòng, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Tham mưu xây dựng Đề án Hợp nhất Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường và Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn (Quyết định 305/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường).	Hiệu quả áp dụng + Kinh tế: Giảm chi phí quản lý, tinh gọn đầu mối, sử dụng hiệu quả nhân lực, hạn chế trùng lặp chức năng, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. + Xã hội: Kiện toàn tổ chức theo hướng minh bạch, rõ chức năng, nâng cao chất lượng tham mưu chính sách, tăng hiệu quả quản trị công và củng cố niềm tin vào chủ trương đổi mới bộ máy. + Môi trường: Hình thành đầu mối nghiên cứu liên ngành, nâng cao chất lượng hoạch định chính sách phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên và ứng phó biến đổi khí hậu. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
148	Bà Trần Thị Thủy, Trung tâm Tư vấn chính sách nông nghiệp, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Xây dựng nội dung đề xuất giải pháp phát triển bảo hiểm nông nghiệp đến năm 2030 thuộc nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển bảo hiểm nông nghiệp.	Hiệu quả áp dụng + Kinh tế: Hoàn thiện chính sách và cơ chế hỗ trợ giúp tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm nông nghiệp, giảm thiểu rủi ro và tổn thất cho người sản xuất, ổn định thu nhập; đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp bảo hiểm giảm chi phí, hạn chế rủi ro và mở rộng cung ứng, góp phần phát triển thị trường bền vững. + Xã hội: Góp phần tháo gỡ các rào cản về thông tin, chi phí và cơ chế phối hợp, nâng cao tính minh bạch, đơn giản hóa thủ tục và tăng vai trò điều phối của Nhà nước; qua đó mở rộng độ phủ bảo hiểm, giảm gánh nặng ngân sách, tăng khả năng chống chịu của cộng đồng nông thôn và bảo đảm an sinh xã hội trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực bảo hiểm nông nghiệp thuộc ngành Nông nghiệp Việt Nam.
149	Bà Phan Thị Thu Hà, Nghiên cứu viên chính, Trung tâm Tư vấn chính	Xây dựng nội dung phân tích và viết báo cáo đánh giá vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực thi chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp	Hiệu quả áp dụng Nghiên cứu góp phần hệ thống hóa cơ sở thực tiễn về vai trò của chính quyền địa phương trong triển khai chính sách bảo hiểm nông nghiệp, qua đó nâng cao chất lượng đánh giá và làm rõ trách nhiệm từng cấp. Kết quả giúp nâng cao hiệu

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	sách nông nghiệp, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	thuộc nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển bảo hiểm nông nghiệp.	quả thực thi chính sách, tăng khả năng tiếp cận bảo hiểm, củng cố niềm tin của người dân và thúc đẩy chuyển từ hỗ trợ thụ động sang quản lý rủi ro chủ động, góp phần ổn định thu nhập và bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời, cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho cơ quan quản lý trong hoàn thiện cơ chế phân cấp, phối hợp và nâng cao năng lực triển khai chính sách. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực bảo hiểm nông nghiệp thuộc ngành Nông nghiệp Việt Nam.
150	Bà Lê Ngọc Minh, Phó Giám đốc, Trung tâm Thông tin và Dịch vụ nông nghiệp và môi trường, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Xây dựng Tập Bản đồ Hợp tác xã nông nghiệp tham gia các chuỗi sản phẩm nông sản chủ lực năm 2023 (cập nhật đến 2024)	Hiệu quả áp dụng Việc áp dụng sáng kiến mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác tham mưu và hoạch định chính sách thông qua việc cung cấp một hệ thống tài liệu tham khảo trực quan, giúp các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương dễ dàng nắm bắt bức tranh toàn cảnh về sự phân bố và hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể. Sáng kiến đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối thông tin, hỗ trợ hình thành các chuỗi giá trị hiệu quả và bền vững giữa hợp tác xã và doanh nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực quản lý dữ liệu ngành thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa định dạng GIS và Excel/CSV chuẩn hóa. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc.
151	Ông Nguyễn Nghĩa Hùng, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	Tác giả bài báo: Đánh giá ngập lụt vùng ven biển bán đảo Cà Mau do nhiều yếu tố gây ra.	Hiệu quả áp dụng Nghiên cứu đã chỉ ra các nguyên nhân chính cho vùng đất này, đồng thời đã định lượng chỉ ra được mức độ ngập dự báo đến 2050 và 2100, trên cơ sở đó, kết quả giúp cho việc lập kế hoạch phòng tránh giảm nhẹ ngập lụt và quy hoạch các công trình hạ tầng chống ngập được tốt hơn góp phần hỗ trợ lập kế hoạch, quy hoạch hạ tầng và phân vùng phát triển nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao khả năng thích ứng với ngập lụt trong dài hạn. Phạm vi ảnh hưởng: các khu vực trũng thấp ven biển.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
152	Ông Nguyễn Phú Quỳnh, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	Xây dựng giải pháp hữu ích: Thảm thực vật chống xói	Hiệu quả áp dụng - Thảm thực vật chống xói tận dụng vật liệu địa phương, các loại thực vật phổ biến, dễ sống, dễ chăm sóc. - Cấu kiện dạng thảm có thể dùng để che phủ bề mặt công trình, bảo vệ các kết cấu ngầm, có thể dùng để lát mái dốc giúp chống sạt lở, chống xói mòn do mưa, do dòng chảy, phủ xanh đất trống đồi núi trọc. - Thi công đơn giản, không cần máy móc phức tạp. - Tích hợp sẵn hạt giống nên không tốn chi phí trồng và chăm sóc mảng xanh sau thi công; Thân thiện môi trường, tạo cảnh quan sinh thái. Phạm vi ảnh hưởng: các công trình thủy lợi, giao thông trên phạm vi cả nước.
153	Nhóm tác giả: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Phó viện trưởng. 2. Ông Đào Kim Lư, Trưởng phòng Quản lý và Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi 3. Bà Nguyễn Thị Hương Giang, Nghiên cứu viên, Phòng Quản lý và Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi. Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Xây dựng bộ tiêu chí và giải pháp để hiện đại hóa công trình thủy lợi, nâng cao hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp	Hiệu quả áp dụng - Về khoa học, lần đầu tiên xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá hiện đại hóa công trình thủy lợi (CTTL) một cách toàn diện với 23 nhóm tiêu chí và 70 tiêu chí thành phần, cho phép đánh giá định lượng mức độ hiện đại hóa của từng hạng mục và toàn hệ thống. Đồng thời, đề tài đề xuất các giải pháp và lộ trình hiện đại hóa phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0 và thích ứng biến đổi khí hậu, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển nông nghiệp thông minh, bền vững. - Về thực tiễn, mô hình thí điểm tại hồ chứa Lái Bay (Sơn La) sau hơn một năm vận hành đã chứng minh tính hiệu quả và ổn định của các thiết bị, phần mềm hỗ trợ quản lý vận hành. Mô hình được đơn vị khai thác đánh giá cao và có khả năng nhân rộng cho các công trình thủy lợi có điều kiện tương tự. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý, đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
154	Nhóm tác giả: 1. Ông Đào Kim Lưu, Trưởng phòng. 2. Bà Nguyễn Thị Hương Giang, Nghiên cứu viên. Phòng Quản lý và Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	Xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14271:2024 Hệ thống tưới tiêu - Tưới phun mưa - Yêu cầu thiết kế	Hiệu quả áp dụng Tiêu chuẩn là cơ sở để thiết kế, thẩm định hệ thống tưới phun mưa đảm bảo các yếu tố kỹ thuật; góp phần phát triển tưới tiết kiệm nước tại các địa phương, làm cơ sở để các địa phương triển khai Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm. Phạm vi ảnh hưởng: toàn Quốc
155	Nhóm tác giả: 1. Ông Hoàng Ngọc Tuấn, Viện Trưởng. 2. Ông Nguyễn Ngọc Vinh, Giám đốc Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai. 3. Bà Đặng Thị Nga, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ thủy lợi,	Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ sạt lở đất cho khu vực miền núi có nguy cơ cao của thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam cũ (nay là TP. Đà Nẵng)	Hiệu quả áp dụng: Hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ sạt lở đất đưa ra các thông tin cảnh báo kịp thời về nguy cơ sạt lở đất tại khu vực lắp đặt, góp phần hỗ trợ chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ ra quyết định cho chính quyền địa phương về sơ tán người dân nhằm giảm thiểu rủi ro do sạt lở đất gây ra một cách hiệu quả và chủ động hơn trong mùa mưa lũ năm 2024, 2025. Phạm vi ảnh hưởng: các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất ở các tỉnh miền Trung có điều kiện tương tự.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam		
156	Nhóm tác giả: 1. Ông Hoàng Ngọc Tuấn, Viện trưởng. 2. Bà Đặng Thị Nga, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ thủy lợi. Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	Xây dựng phần mềm lập Kế hoạch sử dụng nước theo thời gian thực cho hồ chứa nước thủy lợi lớn của tỉnh Đắk Lắk thuộc đề tài cấp tỉnh: Nghiên cứu các giải pháp và công nghệ để lập kế hoạch sử dụng nước cho một số hồ chứa lớn phục vụ sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu tại tỉnh Đắk Lắk.	Hiệu quả áp dụng Thông qua phần mềm, tỉnh Đắk Lắk đã cho vận hành thử nghiệm cho 01 hồ chứa điển hình là hồ Ea Kao cấp nước hiệu quả hơn, góp phần hỗ trợ công tác lập kế hoạch sử dụng nước, điều chỉnh kế hoạch cũng như phương án vận hành công trình phù hợp hơn với thực tế, nâng cao hiệu quả cấp nước của công trình. Phạm vi ảnh hưởng: các hồ chứa thủy lợi.
157	Nhóm tác giả: 1. Ông Phan Trường Giang, Trưởng phòng. 2. Ông Đỗ Thế Quynh, Nghiên cứu viên. 3. Ông Ngô Cảnh Tùng, Phó Trưởng phòng.	Giải pháp khôi phục dòng chảy suối Côn Sơn thuộc khu di tích đền thờ Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương (Nay là Thành phố Hải Phòng) thuộc đề tài cấp quốc gia: Nghiên cứu đề xuất giải pháp duy trì dòng chảy cho suối Côn Sơn thuộc khu di tích đền thờ Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương	Hiệu quả áp dụng - Góp phần cải thiện cảnh quan sinh thái, hạn chế tình trạng khô cạn vào mùa kiệt, từng bước phục hồi hệ sinh thái tự nhiên và nâng cao chất lượng môi trường khu vực di tích. - Giải pháp cũng góp phần bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh của khu di tích Côn Sơn gắn với danh nhân Nguyễn Trãi, tạo không gian cảnh quan hài hòa phục vụ các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng và du lịch. Đồng thời, việc áp dụng các giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên và yêu cầu bảo tồn

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Phòng Tổng hợp, Viện Thủy công, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.		di tích đã nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác tài nguyên nước theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phạm vi ảnh hưởng: áp dụng để xây dựng các dòng suối nhân tạo trong các khu sinh thái.
158	Nhóm tác giả: 1. Ông Hoàng Văn Tân, Nghiên cứu viên. 2. Ông Nguyễn Mạnh Hà, Trưởng phòng 3. Bà Phạm Thị Mai, Phó Trưởng phòng. Phòng nghiên cứu Kinh tế Xây dựng, Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	Giải pháp kinh tế - kỹ thuật trong xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành xây dựng công trình thủy lợi và đề điều.	Hiệu quả áp dụng - Sáng kiến là cơ sở để các tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng làm căn cứ lập, phê duyệt, thanh quyết toán và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật Thủy lợi và Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. - Sáng kiến phù hợp với thực tiễn, giúp rút ngắn thời gian lập và phê duyệt dự toán xây dựng công trình, qua đó góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thành công trình Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
159	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh, Phó giám đốc Trung tâm 2. Ông Uông Huy Hiệp, Phó Trưởng phòng Nghiên cứu, chuyển giao	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, bền vững của các công trình cấp nước sinh hoạt cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn do biến đổi khí hậu ở khu vực Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.	Hiệu quả áp dụng Nâng cao hiệu quả hoạt động, bền vững của các công trình cấp nước sinh hoạt; tăng tỷ lệ người dân được tiếp cận với nước sạch và góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn do biến đổi khí hậu. Phạm vi ảnh hưởng: khu vực Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long;

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	công nghệ thủy lợi nội đồng. Trung tâm tư vấn quản lý thủy nông có sự tham gia của người dân, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.		
160	Ông Nguyễn Lê Dũng, Trưởng phòng Hợp tác và phát triển Tổ chức dùng nước, Trung tâm tư vấn quản lý thủy nông có sự tham gia của người dân, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	1. Xây dựng sổ tay Hướng dẫn đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức thủy lợi cơ sở	Hiệu quả áp dụng - Thống nhất phương thức, tiêu chí và xây dựng cơ sở dữ liệu về hiệu quả thủy lợi cơ sở trên toàn quốc. - Kết quả đánh giá hàng năm giúp các địa phương thực hiện thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế. Đồng thời cũng là cơ sở cho các địa phương đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới cho giai đoạn tới. Phạm vi ảnh hưởng: cấp Bộ (lĩnh vực thủy lợi)
161		2. Xây dựng sổ tay hướng dẫn bảo trì công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng	Hiệu quả áp dụng - Tài liệu này giúp các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng áp dụng quy trình kỹ thuật bảo trì phù hợp, đảm bảo an toàn kết cấu công trình và nâng cao hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Phạm vi ảnh hưởng: cấp Bộ (lĩnh vực thủy lợi)
162	Ông Đinh Vũ Thuỳ, Phó Trưởng phòng Hợp tác và phát triển Tổ chức dùng nước, Trung tâm tư vấn quản lý thủy nông có sự tham gia của	1. Xây dựng sổ tay hướng dẫn thành lập củng cố Tổ chức thủy lợi cơ sở.	Hiệu quả áp dụng - Sổ tay cung cấp hướng dẫn cụ thể, chi tiết về quy trình thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở theo đúng quy định của Luật Thủy lợi. Nội dung sổ tay không chỉ hướng đến việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn mà còn hỗ trợ các địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách về thủy lợi và tăng cường năng lực tự quản, vận hành công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. Phạm vi ảnh hưởng: cấp Bộ (lĩnh vực thủy lợi)

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
163	người dân, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.	2. Xây dựng sổ tay hướng dẫn thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào công trình thủy lợi	Hiệu quả áp dụng - Sổ tay giúp các địa phương (cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi và các tổ chức cá nhân) thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi chủ động trong việc thống kê, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy lợi, phục vụ nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi góp phần xây dựng hoàn thiện nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo. Phạm vi ảnh hưởng: cấp Bộ (lĩnh vực thủy lợi)
164	Ông Nguyễn Quốc Huy, Viện trưởng Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	Biên soạn sách: Giá trị của côn trùng ở Việt Nam.	Hiệu quả áp dụng Cuốn sách có ý nghĩa khoa học quan trọng trong việc phát triển nghiên cứu và hoạt động kinh tế - xã hội trong lĩnh vực côn trùng. Ngoài ra, góp phần nâng cao nhận thức và hành động để bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học. Cuốn sách làm rõ hơn bản chất của côn trùng – những sinh vật đã sinh ra từ 400 – 500 triệu năm trước loài người. Cuốn sách giới thiệu vai trò, ý nghĩa, các sản phẩm và mối lợi từ côn trùng. Bên cạnh đó nêu lên các giá trị của côn trùng về làm chỉ thị sinh học, giá trị thực phẩm, giá trị làm dược liệu và giá trị trong giáo dục, văn hóa và du lịch của côn trùng. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực sinh học, nông nghiệp và môi trường.
165	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Minh Đức, Phó Viện trưởng. 2. Ông Nguyễn Quốc Huy, Viện trưởng 3. Bà Nguyễn Thúy Hiền, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Phòng trừ mối.	Đồng tác giả cuốn sách: Kỹ thuật kiểm soát mối (Isoptera) cho công trình kiến trúc và đô thị.	Hiệu quả áp dụng Trên cơ sở các nghiên cứu trong nước và quốc tế, kết hợp với hơn hai thập kỷ khảo sát và thực nghiệm, nhóm tác giả đã làm rõ mối quan hệ giữa đặc điểm sinh học, sinh thái của mối với cơ chế phá hoại công trình kiến trúc và đô thị. Việc tiếp cận vấn đề kiểm soát mối từ góc độ sinh thái học ứng dụng giúp cuốn sách vượt ra khỏi các biện pháp xử lý truyền thống thiên về hóa chất, hướng tới các giải pháp tổng hợp, bền vững và phù hợp với xu thế bảo vệ môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Các công trình kiến trúc, di tích lịch sử - văn hóa, cũng như các công trình đê, đập và thủy lợi trên phạm vi cả nước.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.		
166	Nhóm tác giả: 1. Ông Lại Huy Toàn, Giảng viên, Trường Cao đẳng Thủy sản và Công nghệ thực phẩm. 2. Ông Lê Văn Bôn, Nghiên cứu viên, Phòng nghiên cứu Công nghệ khai thác hải sản, Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Bắc, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam. 3. Ông Nguyễn Ngọc Sửa, Nghiên cứu viên, Phòng nghiên cứu Công nghệ khai thác hải sản, Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Bắc, Viện	Xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia: Thiết bị khai thác thủy sản - Lưới mảnh - Thông số kích thước cơ bản (TCVN 14165:2024)	Hiệu quả áp dụng Có tính ứng dụng cao trong sản xuất, giúp cho cộng đồng ngư dân khai thác hải sản giảm thiểu được chi phí trang bị ngư cụ, nâng cao năng suất khai thác, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế của đội tàu khai thác. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực thủy sản, quản lý tài nguyên biển, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Khoa học Thủy sản Việt Nam.		
167	Nhóm tác giả: 1. Ông Trần Quang Thụ, Trưởng phòng Nghiên cứu môi trường biển. 2. Ông Nguyễn Công Thành, Phó Giám đốc. 3. Ông Nguyễn Văn Nguyên, Giám đốc. 4. Bà Nguyễn Thị Ánh, Nghiên cứu viên Phòng Nghiên cứu môi trường biển. Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Bắc, Viện Khoa học thủy sản Việt Nam.	Xây dựng mô hình xử lý nước thải tại cảng cá.	Hiệu quả khi áp dụng - Mô hình xử lý nước thải tại cảng cá mang lại hiệu quả rõ rệt về môi trường và quản lý vận hành: nâng cao nhận thức cộng đồng, tăng cường thu gom và xử lý chất thải, giảm ô nhiễm, mùi hôi và cải thiện mỹ quan cảng cá; đồng thời góp phần đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và chống khai thác IUU. - Sáng kiến đã lựa chọn và tối ưu được công nghệ xử lý phù hợp với đặc thù nước thải cảng cá, giúp hệ thống vận hành ổn định, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường; đồng thời xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật có khả năng nhân rộng, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững vùng ven biển. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực quản lý môi trường và thủy sản ven biển trên phạm vi cả nước.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
168	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu, Phó Trưởng phòng Nghiên cứu Bảo tồn biển, Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Bắc, Viện Khoa học thủy sản Việt Nam 2. Ông Nguyễn Văn Nguyên, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Bắc, Viện Khoa học thủy sản Việt Nam 3. Ông Nguyễn Khắc Bát, Phó Giám đốc Viện Khoa học thủy sản Việt Nam 4. Ông Phạm Trần Đình Nho, Nghiên cứu viên, Phòng Nghiên cứu Bảo tồn biển, Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Bắc,	Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi cấy, phục hồi san hô cứng ở vùng biển Việt Nam.	Hiệu quả áp dụng - Đối với phục hồi san hô trên rạn nhân tạo: Sau 12 tháng phục hồi, tỷ lệ sống trung bình của san hô đạt 71,4%, mức sinh trưởng san hô cao nhất đạt 5,7mm/tháng. Rạn nhân tạo thể hiện sự ổn định trong môi trường tự nhiên, đặc biệt với kết cấu cụm rạn (2-3 rạn), rạn nhân tạo thể hiện sự bền vững trong toàn quá trình thực nghiệm. - Đối với phục hồi san hô trên nền san hô suy thoái: Sau 12 tháng phục hồi, tỷ lệ sống trung bình của san hô đạt 74,6%, sinh trưởng san hô cao nhất đạt 5,2-6,7 mm/tháng. San hô phục hồi thể hiện phát triển ổn định, vững trắc trên nền rạn trong môi trường tự nhiên. - Hiệu quả xã hội, môi trường: Phục hồi rạn san hô đảm bảo sự cân bằng sinh thái và môi trường, duy trì và bảo tồn bền vững đa dạng sinh học biển. Góp phần tạo cảnh quan sinh thái biển phục vụ phát triển du lịch biển cho cộng đồng và địa phương. Phạm vi ảnh hưởng: vùng biển Việt Nam

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Viện Khoa học thủy sản Việt Nam		
169	Nhóm tác giả 1. Ông Phan Trọng Bình, Trưởng phòng Nghiên cứu Bệnh thủy sản. 2. Ông Nguyễn Hữu Nghĩa, Giám đốc. 3. Bà Nguyễn Thị Hạnh, Nghiên cứu viên. Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Bắc, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam	Xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 13952:2024: Nước nuôi trồng thủy sản – Nước ngọt – Yêu cầu chất lượng	Hiệu quả áp dụng - Sáng kiến quy định ngưỡng giới hạn các thông số chất lượng môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt, bao gồm các thông số thủy lý, hóa học và vi sinh vật, là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và nguy cơ dịch bệnh của thủy sản nuôi. - Sáng kiến là cơ sở khoa học giúp các cơ sở nuôi theo dõi, đánh giá môi trường, kịp thời áp dụng biện pháp xử lý, nâng cao hiệu quả nuôi, bảo đảm an toàn thực phẩm; đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý trong công tác hướng dẫn kỹ thuật, quản lý vùng nuôi, cải thiện và phục hồi chất lượng nước, góp phần phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực thủy sản (nước ngọt).
170	Nhóm tác giả: 1. Ông Lê Thanh Tùng, Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu và Ứng dụng sinh học biển. 2. Bà Phạm Thị Mát, Nghiên cứu	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống và công nghệ trồng rong cho năng suất, chất lượng carrageenan cao ở miền Trung.	Hiệu quả áp dụng - Đề tài đã tối ưu hóa và chuẩn hóa toàn bộ quy trình kỹ thuật từ sản xuất giống đến nuôi trồng thương phẩm, giúp rút ngắn đáng kể thời gian sản xuất, nâng cao tỷ lệ sống, khả năng tái sinh và chất lượng giống đồng đều, sạch bệnh. Các thông số kỹ thuật được xác lập rõ ràng, góp phần giảm rủi ro và tăng khả năng nhân rộng trong sản xuất quy mô lớn. Về kinh tế, các cải tiến giúp giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả nuôi trồng, mang lại lợi nhuận ổn định với thời gian hoàn vốn hợp lý.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	viên, Phòng Nghiên cứu và Ứng dụng sinh học biển. 3. Bà Nguyễn Thị Duyệt, Nghiên cứu viên, phòng Nghiên cứu và Ứng dụng sinh học biển. 4. Ông Nguyễn Văn Nguyên, Giám đốc. Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Bắc, Viện Khoa học thủy sản Việt Nam.		- Đề tài có ý nghĩa xã hội và môi trường rõ rệt hỗ trợ người dân chủ động nguồn giống, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, đồng thời giảm khai thác nguồn lợi tự nhiên, hạn chế dịch bệnh và cải thiện môi trường nước, góp phần thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sinh thái, bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: vùng ven biển miền Trung
171	Nhóm tác giả 1. Bà Đặng Thị Lụa, Giám đốc. 2. Ông Cao Văn Hạnh, Nghiên cứu viên chính, Trung tâm Nghiên cứu nuôi trồng hải sản miền Bắc. 3. Ông Đỗ Xuân Hải, Nghiên cứu viên, Trung tâm	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Chọn giống cá chim vây vàng (<i>Trachinotus falcatus</i>) sinh trưởng nhanh	Hiệu quả áp dụng Đây là nguồn vật liệu và cơ sở dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu chọn giống cá chim vây vàng theo tính trạng sinh trưởng nhanh. - Tự chủ công nghệ tạo giống chất lượng cao: Xây dựng thành công đàn cá thể hệ chọn giống có tốc độ tăng trưởng vượt trội (tăng 10% - 15% so với dòng đại trà), kiểm soát tốt nguồn gen và đảm bảo con giống sạch bệnh. - Nâng cao hiệu quả kinh tế rõ rệt: Giúp rút ngắn chu kỳ nuôi từ 1 - 2 tháng, giảm thiểu rủi ro thiên tai, tiết kiệm đáng kể chi phí thức ăn và tăng tốc độ quay vòng vốn cho người nuôi cũng như doanh nghiệp. - Thúc đẩy nuôi biển công nghiệp bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh ven biển trên phạm vi cả nước.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Nghiên cứu nuôi trồng hải sản miền Bắc. Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam.		
172	Nhóm tác giả 1. Ông Trần Thế Mưu, Phó Giám đốc. 2. Ông Phan Minh Quý, Hợp đồng Nghiên cứu viên, Phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế, Đào tạo. 3. Ông Nguyễn Trung Thành, Hợp đồng Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu nuôi trồng hải sản miền Bắc. Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu phục tráng và phát triển nguồn gen cua Cà ra (<i>Eriocheir sinensis</i> H. Milne Edwards, 1853)	Hiệu quả áp dụng Thông qua các mô hình sản xuất giống cua cà ra có thể thấy: Hiệu quả kinh tế khá cao khi nhà đầu tư bỏ ra 100 đồng chi phí, sau đợt sản xuất giống 3 tháng thu được 84,5 đồng tiền lãi hoặc khi thu được 100 đồng doanh thu thì tiền lãi là 45,8 đồng. Đối với mô hình nuôi: hiệu quả cũng rất cao khi nhà đầu tư bỏ ra 100 đồng chi phí nuôi, sau 12 tháng nuôi thu về được từ 50,8-52,1 đồng tiền lãi từ mô hình nuôi. Với tỷ suất lợi nhuận như trên, mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cua cà ra hoàn toàn hấp dẫn người nuôi nên trong thời gian tới đủ điều kiện nhân rộng sản xuất. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh phía Bắc có điều kiện đáp ứng, chủ động sản xuất, góp phần phát triển bền vững nghề nuôi thương phẩm cua Cà ra.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
173	Nhóm tác giả: 1. Ông Võ Văn Nha, Phó Giám đốc. 2. Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Nuôi trồng hải sản miền Trung; 3. Ông Kiều Tiến Trung, lao động hợp đồng Trung tâm Nghiên cứu Nuôi trồng hải sản miền Trung. 4. Bà Nguyễn Thị Chi, Kế toán viên, Trung tâm Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản nước ngọt miền Trung. 5. Ông Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn, Phó Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính, Tổng hợp. Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam.	Xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cầu gai sọ dừa (<i>Tripneustes gratilla</i>) trong hệ thống bể có mái che bán phân	Hiệu quả áp dụng - Sáng kiến mang lại kết quả rõ rệt kỹ thuật, đã được doanh nghiệp sử dụng để tiếp tục nuôi vỗ béo (có hiệu quả về kinh tế và môi trường) để đưa ra thị trường xuất khẩu, mở ra tiềm năng phát triển nghề nuôi cầu gai thương phẩm từ nguồn giống nhân tạo trong tương lai. - Nguồn giống cầu gai 2 cm từ sản xuất giống nhân tạo tại Viện Nghiên cứu NTTS III, kết quả sau 4 tháng nuôi với thức ăn 10% khối lượng thân từ 2 loại rong mơ và rong cải biển theo tỷ lệ 6 rong mơ : 1 rong cải biển. Tỷ lệ sống đạt 57,9% và tốc độ tăng trưởng đối với chiều dài đường kính vỏ đạt cao nhất 9,2 cm tương ứng với khối lượng khoảng 88,9 gam/con. Tốc độ tăng trưởng đặc trưng đạt 1,02%/ngày đối với chiều dài đường kính vỏ và 2,01%/ngày đối với khối lượng thân. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực nuôi trồng thủy sản biển tại các địa phương ven biển trên cả nước, đặc biệt ở những khu vực có điều kiện phù hợp cho nuôi cầu gai thương phẩm.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
174	Nhóm tác giả: 1. Ông Trịnh Quang Tú, Trưởng phòng nghiên cứu Kinh tế, Chính sách và Môi trường thủy sản. 2. Bà Nguyễn Phương Thảo, Nghiên cứu viên Phòng Quy hoạch thủy sản. Trung tâm Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam.	Hướng dẫn liên kết sản xuất, tiêu thụ tôm hùm theo chuỗi giá trị thuộc nhiệm vụ: Xây dựng mô hình liên kết trong sản xuất, tiêu thụ tôm hùm.	Hiệu quả áp dụng - Việc sản xuất và tiêu thụ tôm hùm theo liên kết chuỗi giá trị là hướng đi bền vững, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa người sản xuất, thị trường tiêu thụ, chuyển giao công nghệ và cơ quan quản lý Nhà nước nhằm thúc đẩy nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người sản xuất; bảo đảm cho các chủ thể tham gia trong chuỗi liên kết chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm công bằng, minh bạch và đầu tư có hiệu quả. - Bản hướng dẫn là cơ sở để giúp các địa phương, doanh nghiệp và người dân thực hiện các nguyên tắc, nội dung, quy trình hỗ trợ phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm tôm hùm. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (tôm hùm).
175	Nhóm tác giả: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh, Nghiên cứu viên chính, Trưởng phòng. 2. Ông Bùi Thanh Hùng, Nghiên cứu viên.	Điều tra ngư trường (Điều tra thu thập số liệu nghề cá phục vụ dự báo ngư trường khai thác hải sản), giai đoạn 2021- 2023	Hiệu quả áp dụng - Các bản tin dự báo ngư trường được duy trì thường xuyên và phát hành trên nhiều kênh truyền thông (website ngành thủy sản, đài truyền hình, truyền thông duyên hải và 28 tỉnh ven biển), cung cấp thông tin kịp thời theo hạn mùa, tháng và 7–10 ngày, giúp ngư dân giảm chi phí dò tìm, rút ngắn thời gian khai thác và tiết kiệm nhiên liệu. - Sáng kiến đồng thời bổ sung, làm giàu cơ sở dữ liệu từ điều tra thực địa, nhật ký khai thác, giám sát hành trình tàu cá và dữ liệu viễn thám, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành khai thác hải sản, giảm rủi ro và tăng an toàn cho ngư dân. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh ven biển Việt Nam.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	3. Ông Nguyễn Văn Hường, Nghiên cứu viên. 4. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Nghiên cứu viên. Phòng Nghiên cứu dự báo ngư trường khai thác Hải sản, Trung tâm nghiên cứu Hải sản phía Bắc, Viện Khoa học thủy sản Việt Nam.		
176	Nhóm tác giả 1. Ông Nguyễn Thanh Bình, Phó Giám đốc. 2. Ông Nguyễn Ngọc Hân, Trưởng phòng Quy hoạch thủy sản, Trung tâm Kinh tế và Quy hoạch thủy sản. Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam.	Xây dựng giải pháp ứng dụng (App) trên điện thoại thông minh giúp ngư dân ghi Nhật ký khai thác thủy sản điện tử	Hiệu quả áp dụng Các kết quả đạt được đã được Công ty Cổ phần Viễn thông và Năng lượng TCOMIE và Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản cụ thể hóa bằng Giải pháp Hải trình tàu thuyền. Giải pháp Hải trình tàu thuyền hiện đã được Cục Thủy sản và Kiểm ngư công bố hợp quy tích hợp với hệ thống Nhật ký khai thác điện tử dùng chung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phạm vi ảnh hưởng Hiện nay giải pháp đã được áp dụng thực tế cho hơn 4.000 tàu cá từ 12m đến 15m tỉnh Gia Lai, áp dụng thí điểm cho từ 50-200 tàu cá mỗi tỉnh các tỉnh Thanh Hóa, Lâm Đồng, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Vĩnh Long và Cà Mau.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
177	Nhóm tác giả: 1. Bà Ngô Thị Kim Cúc, Phó Viện trưởng. 2. Ông Phạm Văn Sơn, Nghiên cứu viên chính, Bộ môn Di truyền và Đa dạng sinh học. 3. Bà Ngô Thị Thu Hiền, Nghiên cứu viên, và Đa dạng sinh học. Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam.	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu chọn tạo 02 dòng gà Đông Tảo và 02 dòng gà Móng	Hiệu quả áp dụng - Nghiên cứu đã chọn lọc và xây dựng thành công 02 dòng gà Đông Tảo và 02 dòng gà Móng qua 4 thế hệ, tạo nguồn giống hạt nhân phục vụ bảo tồn và phát triển giống; đồng thời xác định cấu trúc và đa dạng di truyền, xây dựng quy trình chăn nuôi áp dụng trong sản xuất, giúp nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế. - Kết quả góp phần bảo tồn nguồn gen quý, tạo việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực chăn nuôi và thú y.
178	Nhóm tác giả: 1. Ông Hoàng Tuấn Thành, Giám đốc, Trạm Nghiên cứu chăn nuôi Vigova. 2. Ông Lê Thanh Hải, Trưởng phòng, Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế. 3. Bà Nguyễn Thị Hồng Trinh, Nghiên cứu viên,	Thực hiện nhiệm vụ: Nghiên cứu lai tạo một số dòng vịt hướng thịt, kiêm dụng và hướng trứng thích ứng với biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long.	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu đã chọn lọc và phát triển các dòng vịt có năng suất, chất lượng cao và khả năng thích ứng tốt với điều kiện xâm nhập mặn. Kết quả giúp người chăn nuôi tại các vùng ven biển và khu vực bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu có thêm đối tượng vật nuôi, tạo sinh kế và tăng thu nhập. Việc áp dụng giống vịt mới cùng quy trình chăn nuôi phù hợp giúp nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm giá thành sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời góp phần cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho doanh nghiệp chế biến, tạo việc làm và thúc đẩy chăn nuôi phát triển bền vững, thân thiện với môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Đồng bằng sông Cửu Long.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Phòng Công nghệ sinh học và Thú y. Phân viện Chăn nuôi và Thú y Nam Bộ, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam.		
179	Nhóm tác giả: 1. Ông Phùng Thế Hải, Giám đốc. 2. Ông Đào Văn Lập, Phó Giám đốc. 3. Ông Phạm Vũ Tuấn, Trưởng phòng, Phòng Khoa học và chuyển giao công nghệ. Trung tâm Giống gia súc lớn Trung ương, Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam.	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu đánh giá năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của một số con lai giữa bò đực Red Angus, Droughtmaster, Charolais với bò cái lai Brahman và bò thuần Brahman.	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu đã xác định được các công thức lai bò thịt và quy trình chăn nuôi phù hợp, tạo ra các tổ hợp lai có khối lượng vượt trội so với bò địa phương, mang lại giá trị kinh tế tăng thêm đáng kể cho người chăn nuôi. Kết quả nghiên cứu góp phần xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng - vỗ béo bò lai hướng thịt, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nâng cao sinh kế cho người dân nông thôn. Đồng thời, việc tận dụng phụ phẩm nông nghiệp trong chăn nuôi giúp giảm chi phí, hạn chế ô nhiễm môi trường và thúc đẩy phát triển nông nghiệp tuần hoàn, bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực chăn nuôi và thú y.
180	Ông Nguyễn Đức Phong, Trưởng phòng Cổ sinh và Địa tầng, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu điều kiện cổ khí hậu, cổ môi trường trầm tích Cambri tại một số di sản địa chất đặc trưng Bắc Việt Nam.	Hiệu quả áp dụng - Kết quả không chỉ nghiên cứu các đặc điểm địa chất mà còn đánh giá giá trị khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và tiềm năng di sản của các trầm tích Cambri, hướng tới việc đề xuất bổ sung vào danh sách di sản địa chất quốc gia hoặc Công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			- Cung cấp các dữ liệu về cổ khí hậu, cổ môi trường, phục vụ các nghiên cứu chuyên đề về địa tầng, đo vẽ bản đồ địa chất. - Bổ sung thông tin khoa học quan trọng, làm tăng sức hấp dẫn cho các di sản địa chất, giúp quảng bá, nâng cao nhận thức cộng đồng, bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản địa chất, phát triển du lịch địa phương. Phạm vi ảnh hưởng: lĩnh vực địa chất và khoáng sản.
181	Ông Doãn Hà Phong, Giám đốc, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh: Hệ thống quản lý thông tin cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất theo thời gian thực tại tỉnh Hòa Bình.	Hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý thông tin cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất được xây dựng theo cách tiếp cận tích hợp, kết nối dữ liệu quan trắc thời gian thực với công nghệ GIS và các mô hình phân tích để theo dõi liên tục diễn biến mưa, địa hình và trạng thái sườn dốc, qua đó hỗ trợ nhận diện sớm nguy cơ thiên tai theo không gian cụ thể. Triển khai tại tỉnh Hòa Bình (nay là Phú Thọ) với 11 trạm quan trắc tự động tại các khu vực trọng điểm, hệ thống cung cấp dữ liệu đầu vào quan trọng và được tích hợp, hiển thị trên nền tảng WebGIS, giúp cơ quan quản lý giám sát, cảnh báo kịp thời, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành và giảm thiểu rủi ro do lũ quét, sạt lở đất. Phạm vi ảnh hưởng Hệ thống cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất được áp dụng tại một số tỉnh miền núi như Hòa Bình (Phú Thọ), Sơn La, Yên Bái, Lai Châu và là cơ sở để nhân rộng trên phạm vi toàn quốc, phục vụ công tác quản lý, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.
182	Ông Nguyễn Trung Đông, Hiệu trưởng Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu đề xuất các giải pháp thúc đẩy hợp tác xã khai thác, sử dụng vốn xã hội vào các hoạt động dịch vụ, sản xuất và kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu của đề tài mang lại lợi ích thiết thực cho cả hợp tác xã (HTX) và cơ quan quản lý. Đối với các HTX nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đề tài cung cấp khung tiếp cận, bộ tiêu chí và công cụ đánh giá mức độ khai thác, sử dụng vốn xã hội, giúp HTX nhận diện điểm mạnh, hạn chế và nâng cao hiệu quả quản trị, tổ chức sản xuất, tiêu thụ, cũng cố liên kết chuỗi giá trị và phòng ngừa rủi ro thông qua hệ thống giải pháp về định hướng, nâng cao năng lực và quản lý rủi ro. Đối với cơ quan quản lý và các tổ chức hỗ trợ, đề tài cung cấp luận cứ khoa học và bằng chứng thực tiễn phục vụ hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển HTX; đồng thời Sổ tay hướng dẫn là tài liệu phục vụ đào

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			tạo, tập huấn, tư vấn và nhân rộng mô hình, góp phần nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ kinh tế tập thể. Phạm vi ảnh hưởng: Các HTX nông nghiệp và các tổ chức liên quan trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, bảo quản, chế biến và thương mại tổng hợp.
183	Bà Hà Thị Mừng, Phó Hiệu trưởng Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn	Nghiên cứu đánh giá thực trạng chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết và các chính sách liên quan trong sản xuất, tiêu thụ gỗ rừng trồng tại miền Trung thuộc nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ gỗ rừng trồng tại miền Trung.	Hiệu quả áp dụng Góp phần hoàn thiện nội dung khoa học của đề tài cấp Bộ, cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn về thực trạng và những bất cập của hệ thống chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong lĩnh vực lâm nghiệp. Góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển liên kết giữa hộ trồng rừng, hợp tác xã và doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả sản xuất, tiêu thụ gỗ rừng trồng; định hướng phát triển ngành lâm nghiệp theo hướng bền vững và nâng cao thu nhập cho người trồng rừng. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các tổ chức và doanh nghiệp trong lĩnh vực lâm nghiệp.
184	Bà Hà Thị Phương Thảo, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn	Nghiên cứu xây dựng Sổ tay hướng dẫn nâng cao năng lực cho các chủ thể tham gia hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ gỗ rừng trồng tại miền Trung thuộc nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ gỗ rừng trồng tại miền Trung.	Hiệu quả áp dụng Sáng kiến góp phần bổ sung và hoàn thiện cơ sở khoa học, đồng thời hình thành sản phẩm ứng dụng phục vụ triển khai đề tài cấp Bộ, cung cấp tài liệu hướng dẫn có tính thực tiễn cho các chủ thể tham gia hợp tác, liên kết trong lĩnh vực lâm nghiệp. Kết quả được sử dụng trong đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ trồng rừng, qua đó nâng cao chất lượng nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao tri thức, đồng thời góp phần nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện liên kết, cải thiện hiệu quả sản xuất, giảm rủi ro thị trường và tăng cường tính ổn định, bền vững của chuỗi giá trị gỗ rừng trồng. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo, tổ chức hỗ trợ, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ trồng rừng khu vực miền Trung và có giá trị tham khảo trên phạm vi cả nước.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
185	Bà Nguyễn Thị Phương Lam, Giảng viên Khoa Chính sách công, Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn	Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ gỗ rừng trồng tại miền Trung thuộc nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ gỗ rừng trồng tại miền Trung.	Hiệu quả áp dụng Sáng kiến góp phần hoàn thiện nội dung khoa học của đề tài cấp Bộ, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ xây dựng, điều chỉnh và tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong lĩnh vực lâm nghiệp, đồng thời là cơ sở tham khảo để phát triển liên kết chuỗi giá trị gỗ rừng trồng và nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: khu vực miền Trung và có giá trị tham khảo trên phạm vi cả nước.
186	Nhóm tác giả: 1. Bà Hà Thị Mừng, Phó Hiệu trưởng Trường Chính sách công và PTNT 2. Ông Khúc Hoàng Giang, Phó Hiệu trưởng Trường Chính sách công và PTNT 3. Ông Đinh Hữu Hoàng, Giảng viên chính, Trường Đại học Tôn Đức Thắng 4. Bà Hà Thị Phương Thảo, Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Chính	Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Rà soát chính sách về bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng ở Việt Nam	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng, thông qua việc phân tích những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra các tồn tại, bất cập của chính sách hiện hành để làm căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng chính sách mới. Đối với các ban quản lý và địa phương, nghiên cứu giúp nhận diện khó khăn trong quá trình thực thi và đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển sinh kế vùng đệm và huy động nguồn lực xã hội. Phạm vi ảnh hưởng: các cơ quan quản lý, vườn quốc gia, khu bảo tồn và các tổ chức liên quan trên phạm vi toàn quốc.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	sách công và PTNT 5. Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Phó Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính, Trường Chính sách công và PTNT 6. Ông Nguyễn Duy Tân, giảng viên, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Chính sách công và PTNT		
187	Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Phó trưởng Bộ môn Di truyền và chọn giống cây trồng Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: "Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học, năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu sâu bệnh của tập đoàn giống đậu đen (<i>Vigna cylindrica</i>)".	Hiệu quả áp dụng - Kết quả nghiên cứu cung cấp tài liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và nguồn vật liệu di truyền có giá trị cho chọn tạo giống đậu đen năng suất, chất lượng cao, giúp chủ động nguồn giống trong nước, nâng cao hiệu quả và thu nhập cho người sản xuất. - Đồng thời góp phần đa dạng hóa giống đậu đen, tạo việc làm, cải thiện độ phì đất, giảm sử dụng phân bón hóa học, bảo vệ môi trường và thúc đẩy canh tác bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phạm vi ảnh hưởng: các địa phương trên toàn quốc
188	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đình, Giảng viên chính Bộ môn Phương pháp thí nghiệm và Thống kê sinh học Khoa Nông học,	Tác giả bài báo: Ảnh hưởng của giống và thời vụ trồng đối với năng suất của cà chua hữu cơ trái vụ tại miền Bắc Việt Nam.	Hiệu quả áp dụng Bài báo đã xác định được giống và thời vụ trái vụ trồng cà chua hữu cơ tại xã Vân Sơn, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Vân Sơn, tỉnh Phú Thọ). Giống Savior và thời vụ 1 (25/3) là phù hợp nhất đối với sinh trưởng, phát triển, năng suất của cà chua trái vụ tại xã Vân Sơn đạt 33,27 tấn/ha. Phạm vi ảnh hưởng: các xã vùng cao ở Miền Bắc Việt Nam.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Học viện Nông nghiệp Việt Nam		
189	Bà Phí Thị Diễm Hồng, Phó Trưởng Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh: Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm duy trì và nâng cao giá trị các sản phẩm OCOP của tỉnh Lai Châu theo chuỗi liên kết.	Hiệu quả áp dụng Kết quả nghiên cứu góp phần: - Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà khoa học và cơ quan hỗ trợ, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và nhân rộng mô hình OCOP tại Lai Châu; - Cung cấp cơ sở khoa học phục vụ xây dựng chính sách, thiết kế và triển khai chương trình OCOP gắn với mục tiêu nông thôn mới; - Là tài liệu giảng dạy, học tập và tham khảo, bổ sung kiến thức thực tiễn về phát triển sản phẩm, thương mại hóa và liên kết chuỗi giá trị trong nông nghiệp. Phạm vi ảnh hưởng: các cơ sở sản xuất kinh doanh OCOP.
190	Bà Trần Thị Thu Hương, Giảng viên chính Bộ môn Marketing, Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp Bộ: Nghiên cứu đề xuất giải pháp thu hút lao động trẻ khởi nghiệp sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp theo các vùng kinh tế.	Hiệu quả áp dụng - Việc thu hút lao động trẻ vào nông nghiệp góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất nhờ khả năng tiếp cận nhanh với mô hình hiện đại, công nghệ cao và quản lý tiên tiến. Đồng thời, các mô hình khởi nghiệp như hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa giúp tối ưu chuỗi giá trị, giảm chi phí và tăng lợi nhuận. - Bên cạnh đó, việc này còn tạo thêm việc làm, giảm thất nghiệp, nâng cao thu nhập cho khu vực nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: Áp dụng trên phạm vi cả nước, theo các vùng kinh tế, phù hợp với đặc điểm phát triển nông nghiệp và lao động trẻ của từng vùng.
191	Bà Đặng Thị Thanh Tâm, Giảng viên Bộ môn Công nghệ Sinh học thực vật, Khoa Công nghệ sinh học, Học viện	Xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 14392:2025: Phân bón - Định lượng <i>Bacillus licheniformis</i> bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)	Hiệu quả áp dụng Là căn cứ pháp lý trong kiểm tra, đánh giá thành phần, chất lượng của phân bón vi sinh góp phần nâng cao công tác đánh giá và quản lý chất lượng của các loại phân bón vi sinh của cơ quan quản lý nhà nước. Phạm vi ảnh hưởng: cấp Bộ

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	Nông nghiệp Việt Nam		
192	Ông Vũ Ngọc Thắng, Phó giám đốc Viện Nghiên cứu và Phát triển cây dược liệu, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Tác giả bài báo: Ảnh hưởng của việc sử dụng than sinh học đến sinh trưởng và sinh lý của cây mía trong điều kiện hạn và mặn kết hợp	Hiệu quả áp dụng Ứng dụng lượng bón 10 tấn than sinh học cho 1 ha cho mía trong điều kiện hạn và mặn giúp cây mía sinh trưởng tốt trong điều kiện bất thuận mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất mía trên toàn quốc đặc biệt cho các vùng trồng mía bị khô hạn hoặc các vùng trồng mía có nguy cơ bị nước biển xâm nhập. Phạm vi ảnh hưởng: các vùng trồng mía trong cả nước.
193	Ông Trần Trọng Phương, Trưởng Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chủ biên Sách chuyên khảo: Quản lý sử dụng đất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.	Hiệu quả áp dụng Cuốn sách phân tích quản lý đất nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu và đô thị hóa, làm rõ thách thức, cơ hội và khả năng thích ứng. Nội dung mang tính liên ngành và là tài liệu hữu ích cho nghiên cứu, giảng dạy và hoạch định chính sách về đất đai và môi trường. Phạm vi ảnh hưởng: Cuốn sách là tài liệu tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách, nhà khoa học, giảng viên, sinh viên và cán bộ thực tiễn trong công tác quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp và quản lý tài nguyên môi trường.
194	Ông Nguyễn Thanh Hải, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Trường học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Tác giả bài báo: Ảnh hưởng của quá trình phát triển đến tính chất kháng khuẩn của lá xoài Việt Nam.	Hiệu quả áp dụng Thiết lập được mối quan hệ giữa hàm lượng mangiferin và đặc tính kháng khuẩn của lá xoài ở sáu giai đoạn trưởng thành khác nhau. Kết quả cho thấy lá non, có màu từ nâu đỏ sẫm đến xanh nhạt, có khả năng kháng khuẩn tốt hơn. Sự suy giảm đặc tính kháng khuẩn của lá xoài sau quá trình trưởng thành có thể được giải thích, ít nhất một phần, bởi sự giảm hàm lượng mangiferin. Căn cứ kết quả thu được từ nghiên cứu, lá xoài có thể được sử dụng như một dược liệu tiềm năng trong phòng và trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn. Tuy nhiên, cần có thêm các nghiên cứu để xác nhận đặc tính điều trị của chúng trong điều kiện in vivo. Phạm vi ảnh hưởng Là tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu chuyên sâu đối với sinh viên, cao học viên, NCS và các nhà nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ sinh học, thảo dược ứng dụng trong chăn nuôi thú y.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
195	Nhóm tác giả: 1. Ông Triệu Đức Huy, Phó Tổng Giám đốc. 2. Ông Phạm Bá Quyền, Chuyên viên, Ban Điều tra tài nguyên nước. Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Giải pháp công nghệ khai thác và quản lý vận hành thông minh các nguồn nước phục vụ cấp nước sinh hoạt ổn định cho thị trấn Mèo Vạc	Hiệu quả áp dụng - Đảm bảo an ninh nguồn nước: Hình thành hệ thống cấp nước ổn định, liên tục quanh năm. Cấp nước ổn định, đa nguồn; xóa bỏ tình trạng thiếu nước mùa khô - Tối ưu hóa quản lý và vận hành: Ứng dụng công nghệ thông minh giúp giám sát từ xa, điều tiết nguồn nước khoa học, từ đó giảm thiểu thất thoát và tiết kiệm chi phí vận hành. - Nâng cao chất lượng cuộc sống: đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của nhân dân, góp phần ổn định dân cư và tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Phạm vi ảnh hưởng: các tỉnh miền núi phía Bắc, địa hình núi đá karst khan hiếm nước.
196	Nhóm tác giả: 1. Ông Triệu Đức Huy, Phó Tổng Giám đốc. 2. Ông Nguyễn Ngọc Hà, Phó Tổng Giám đốc. 3. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan, Chánh Văn phòng. 4. Ông Lê Xuân Quý, Trưởng Phòng Tổng hợp. Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Xây dựng Đề án sáp nhập Viện Khoa học tài nguyên nước, Viện Quy hoạch Thủy lợi, Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam vào Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Hiệu quả áp dụng - Tinh gọn đầu mối quản lý, giảm thiểu bộ máy gián tiếp, nâng cao năng lực điều hành tập trung trong lĩnh vực tài nguyên nước và thủy lợi. - Đảm bảo tính liên tục của các nhiệm vụ chuyên môn, không gây gián đoạn công việc nhờ phương án chuyển tiếp khoa học. - Tối ưu hóa việc sử dụng tài sản công và ngân sách; tạo sự đồng thuận, ổn định tư tưởng và tâm thế làm việc cho đội ngũ cán bộ, viên chức sau sáp nhập. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
197	Ông Nguyễn Ngọc Hà, Phó Tổng Giám đốc, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Tham gia xây dựng Thông tư số 52/2025/TT-BNNMT ngày 25/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước (Phó Tổng trưởng Tổ soạn thảo).	Hiệu quả áp dụng - Nâng cao độ chính xác: Việc quy định chuỗi số liệu đầu vào tối thiểu 20 năm và các bước hiệu chỉnh mô hình giúp các bản tin cảnh báo hạn hán, xâm nhập mặn có độ tin cậy cao hơn. - Tối ưu hóa quản lý: Giúp cơ quan nhà nước nắm bắt kịp thời diễn biến nguồn nước để điều hòa, phân phối tài nguyên nước hợp lý, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu. - Tiết kiệm nguồn lực: Quy trình xử lý sự cố và bảo dưỡng thiết bị (như bơm rửa công trình định kỳ 5 năm) giúp kéo dài tuổi thọ hạ tầng quan trắc và giảm thiểu sai lệch dữ liệu. - Kịp thời ứng phó: Bản tin dự báo giúp người dân và doanh nghiệp chủ động phương án sản xuất. Phạm vi ảnh hưởng Các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ, UBND các cấp), các đơn vị sự nghiệp quan trắc và các tổ chức, cá nhân tham gia khai thác, sử dụng nước.
198	Ông Phạm Huy Thông, Phó Tổng Giám đốc, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Chủ trì, tổ chức xây dựng định mức lao động; định mức sử dụng máy móc, thiết bị; định mức dụng cụ lao động; định mức tiêu hao vật liệu; định mức tiêu hao năng lượng; định mức tiêu hao nhiên liệu tại các Điều 7, 8, 9 của Thông tư số 61/2025/TT-BNNMT ngày 17/1/2025 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước.	Hiệu quả áp dụng - Hiệu quả quản lý Nhà nước: Chuẩn hóa quy hoạch, thẩm định và nghiệm thu hoạt động quan trắc tài nguyên nước; tăng tính minh bạch, tiết kiệm ngân sách và hạn chế lãng phí trong đầu tư công. - Hiệu quả kinh tế— kỹ thuật: Tối ưu quy trình vận hành, giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo độ chính xác; thúc đẩy ứng dụng công nghệ hiện đại và chuyển đổi số trong quan trắc. - Hiệu quả nguồn nhân lực: Đánh giá chính xác năng suất lao động, làm cơ sở đào tạo và nâng cao chất lượng cán bộ theo yêu cầu công nghệ mới. Phạm vi ảnh hưởng Các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước trên phạm vi toàn quốc.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
199	Nhóm tác giả: 1. Ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc. 2. Ông Nguyễn Bá Tiến, Trưởng phòng Tổng hợp. Trung tâm Khuyến nông quốc gia	1. Chủ trì, xây dựng Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Hiệu quả áp dụng Mang lại hiệu quả toàn diện trên nhiều mặt thông qua các chỉ tiêu định lượng, cụ thể: - Hiệu quả kinh tế: Tăng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất trên 15% ; giảm chi phí đầu vào trên 10% thông qua chuyển giao đồng bộ giải pháp công nghệ tiên tiến; - Hiệu quả xã hội và giảm nghèo: Tạo sinh kế ổn định và bền vững cho nông dân tại các vùng đặc biệt khó khăn, với mục tiêu trên 70% các xã này xây dựng được mô hình khuyến nông giảm nghèo; - Hiệu quả đào tạo và nhân lực: 100% cán bộ khuyến nông được chuẩn hóa chức danh và bồi dưỡng kiến thức về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số; 100% nông dân tham gia chuyển liên kết tại các vùng nguyên liệu được đào tạo chuyên nghiệp về quy trình, kỹ thuật và liên kết thị trường; - Hiệu quả chuyển đổi số: Số hóa 100% tài liệu kỹ thuật và quản lý 100% mô hình ngân sách nhà nước trên hệ thống số; 100% sản phẩm từ các dự án khuyến nông được quảng bá trên môi trường số hoặc sàn thương mại điện tử. Phạm vi ảnh hưởng: hệ thống khuyến nông từ Trung ương đến cơ sở.
200		2. Chủ trì, xây dựng Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã.	Hiệu quả áp dụng - Thống nhất mô hình tổ chức khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã trên phạm vi toàn quốc. - Phát huy năng lực, hiệu quả của đội ngũ cán bộ khuyến nông địa phương (1.763 cán bộ khuyến nông cấp tỉnh và 4.518 cán bộ khuyến nông khu vực) phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở địa phương. - Hoạt động khuyến nông được triển khai liên tục, xuyên suốt, gắn liền với sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, theo chuỗi giá trị, ngành hàng sản phẩm, góp phần tạo ra giá trị gia tăng, duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống người nông dân. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
201	Ông Ngô Trường Sơn, Chánh Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương	Chủ trì, tổ chức xây dựng nội dung quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực nông thôn mới quy định tại Điều 42, 43, 44, Mục 14, Chương II Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	Hiệu quả áp dụng - Tối ưu hóa bộ máy hành chính: Việc bãi bỏ thẩm định cấp huyện giúp tinh gọn quy trình, giảm bớt các bước trung gian không cần thiết, từ đó rút ngắn thời gian xét duyệt và công nhận. - Nâng cao tính chuyên môn hóa: Chuyển trọng tâm thẩm tra về cho các Sở, ngành giúp việc đánh giá các tiêu chí NTM trở nên chuyên sâu, khách quan và chính xác hơn nhờ đội ngũ có chuyên môn nghiệp vụ đứng lĩnh vực. - Đảm bảo tính pháp lý xuyên suốt: Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để các địa phương thực hiện thống nhất theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Phạm vi ảnh hưởng: UBND cấp tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã.
202	Ông Phương Đình Anh, Phó Chánh Văn phòng, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương	Chủ trì, xây dựng Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.	Hiệu quả áp dụng - Tinh gọn bộ máy hành chính: Bỏ cấp huyện, duy trì 2 cấp (tỉnh và trung ương), giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và giảm thủ tục trung gian. - Nâng cao chất lượng đánh giá: Tăng tính khách quan, chuyên môn và đồng bộ trong thẩm định sản phẩm OCOP 3–4 sao ở cấp tỉnh. - Thúc đẩy chất lượng thực: Siết chặt tiêu chí về nguyên liệu, lao động và bản sắc văn hóa, khuyến khích phát triển giá trị cốt lõi sản phẩm. - Đảm bảo tính liên tục: Quy định chuyển tiếp hồ sơ giúp không gián đoạn hoạt động của doanh nghiệp và hợp tác xã khi thay đổi cơ chế. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc
203	Bà Tô Thuý Nga, Trưởng phòng Nghiệp vụ, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương	Nghiên cứu, xây dựng Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 15/01/2025 sửa đổi khoản 8 Điều 1 Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Hiệu quả áp dụng - Tính khả thi cao: Mức 90% trước đây được đánh giá là quá cao và khó đạt được đồng bộ, ngay cả với các tỉnh có hạ tầng tốt. Mức 80% phù hợp hơn với thực trạng cải cách hành chính hiện nay. - Tháo gỡ "nút thắt" pháp lý: Giúp nhiều địa phương đã đạt các tiêu chí cứng (hạ tầng, kinh tế) nhưng đang bị "vướng" tiêu chí định tính (sự hài lòng) có cơ hội được công nhận hoàn thành nhiệm vụ NTM đúng tiến độ.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
			- Tập trung vào thực chất: Giảm áp lực chạy theo con số ảo để đạt mức 90%, giúp chính quyền tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ công một cách bền vững và thực chất hơn. Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc
204	Ông Vi Việt Hoàng, Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương	Tham mưu xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035.	Hiệu quả áp dụng - Khắc phục tồn tại: Giải quyết triệt để tình trạng "cát cứ" nguồn vốn, chéo đối tượng thụ hưởng và định mức hỗ trợ giữa các chương trình hiện hành. Loại bỏ sự rườm rà trong báo cáo, quyết toán khi phải đối chiếu với nhiều bộ tiêu chí khác nhau. - Nâng cao hiệu quả đầu tư: Tối ưu hóa nguồn lực nhà nước bằng cách tập trung ưu tiên cho vùng khó khăn nhất mà không làm giảm quyền lợi của người dân. Việc phân cấp triệt để giúp địa phương chủ động "may đo" chính sách phù hợp với đặc thù thổ nhưỡng, văn hóa từng vùng. - Tính bền vững: Việc kéo dài thời gian đến năm 2035 cho phép triển khai các mô hình sinh kế quy mô lớn, các dự án hạ tầng mang tính kết nối liên vùng, giúp người dân không chỉ thoát nghèo mà còn tiến tới làm giàu bền vững. Phạm vi ảnh hưởng: khu vực nông thôn, đặc biệt là các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên phạm vi cả nước.
205	Nhóm tác giả: 1. Ông Trương Hồng Tiến, Phó Chánh Văn phòng. 2. Bà Nguyễn Thị Thu Linh, Chánh Văn phòng 3. Ông Nguyễn Đình Đạt, Phó Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ Phát	Tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia: Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến an ninh nguồn nước vùng châu thổ sông Mê Công làm cơ sở khoa học cho hợp tác về tài nguyên nước giữa Việt Nam và Campuchia.	Hiệu quả áp dụng - Cung cấp cơ sở khoa học và bộ công cụ hiện đại (chỉ số, mô hình) giúp tối ưu hóa quy hoạch, quản lý tài nguyên nước và ra quyết định chính xác, giảm thiểu rủi ro. - Nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong nông nghiệp, thủy sản; giảm thiểu thiệt hại tài chính do hạn hán, xâm nhập mặn và thiên tai. - Đảm bảo tiếp cận nước sạch cho người dân; bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì dòng chảy sinh thái và cảnh báo sớm các nguy cơ ô nhiễm. - Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới Việt Nam – Campuchia. Phạm vi ảnh hưởng: vùng Châu thổ sông Mê Công (bao gồm cả Việt Nam và Campuchia)

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
	triển Lưu vực sông Mê Công. 4. Ông Nguyễn Huy Phương, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Lưu vực sông Mê Công 5. Ông Nguyễn Trung Quân, Phó Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Lưu vực sông Mê Công. 6. Ông Trần Minh Khôi, Trưởng Đại diện, Văn phòng Đại diện tại TPHCM. 7. Ông Vũ Minh Thiện, Phó trưởng đại diện, Văn phòng đại diện tại TPHCM, VPTT UB SMC Việt Nam. 8. Ông Phạm Tường, Phó Chánh Văn phòng, Cục Biển đổi Khí hậu.		

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
206	Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Trưởng Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp (nay là Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức)	Chủ nhiệm đề tài: Đánh giá kết quả của phương pháp đặt nội khí quản nhanh theo trình tự (RIS) cho bệnh nhân cấp cứu.	Hiệu quả áp dụng - Chuyên môn: Tăng tỷ lệ đặt ống thành công lần đầu lên 82% - 90% (tổng thành công 96%). Rút ngắn thời gian thủ thuật, kiểm soát tốt huyết động và đặc biệt an toàn cho nhóm bệnh nhân nguy cơ cao (đường thở khó, dạ dày đầy). - An toàn: Giảm thiểu tối đa biến chứng thiếu oxy não và viêm phổi do hít sặc so với phương pháp truyền thống. - Kinh tế - Xã hội: Tiết kiệm chi phí điều trị biến chứng, rút ngắn thời gian nằm hồi sức, giảm gánh nặng tài chính cho bệnh nhân và hệ thống BHYT. Phạm vi ảnh hưởng: cấp Bộ (đào tạo cho đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng ngành y)
207	Ông Vũ Văn Vĩ, Phó trưởng khoa Tai Mũi họng, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp (nay là Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức)	Chủ nhiệm đề tài: Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi vi phẫu cắt u lành dây thanh tại Khoa Tai mũi họng từ tháng 1/2022 đến tháng 10/2023 Bệnh viện Đa khoa Nông Nghiệp.	Hiệu quả áp dụng Về chuyên môn: Khẳng định tính an toàn, hiệu quả của vi phẫu nội soi; chuẩn hóa quy trình điều trị từ chẩn đoán đến can thiệp chuyên sâu. Về điều trị: Phục hồi tối ưu chức năng phát âm, giảm tối đa tỷ lệ biến chứng và tái phát cho người bệnh. Về kinh tế - xã hội: Rút ngắn thời gian nằm viện, giảm chi phí điều trị và giảm tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương. Phạm vi ảnh hưởng: ngành tai mũi họng và công tác giảng dạy, hướng dẫn thực hành cho bác sĩ trẻ và học viên sau đại học.
208	Ông Lê Quang Hải, Trưởng khoa Thận niệu lọc máu, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp (nay là Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức)	Chủ nhiệm Đề tài: Nghiên cứu hiệu quả lọc máu thông qua chỉ số Kt/V trên máy thận nhân tạo ở người bệnh lọc máu chu kỳ tại Khoa Thận – Niệu – Lọc máu, Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp.	Hiệu quả áp dụng - Chỉ số Kt/V (OCM) đo trực tiếp trên máy thận nhân tạo phản ánh chính xác hiệu quả lọc máu. - Phần lớn bệnh nhân đạt tiêu chuẩn lọc máu đầy đủ theo KDOQI. - Hiệu quả lọc máu giảm dần theo số lần tái sử dụng quả lọc. - Kt/V chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố kỹ thuật và lâm sàng. Phạm vi ảnh hưởng Áp dụng thường quy đo Kt/V (OCM) trong thực hành lâm sàng. Làm tài liệu tham khảo lâm sàng và cung cấp dữ liệu cho các nghiên cứu, đánh giá và quyết định chỉ định trong ứng dụng lâm sàng.

TT	Họ và tên/Chức vụ/Đơn vị	Tên sáng kiến, đề tài khoa học	Hiệu quả áp dụng Phạm vi ảnh hưởng
209	Nhóm tác giả: 1. Ông Phan Khắc Long, Phó Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ và Chất lượng sản phẩm. 2. Ông Đỗ Thành Duy, Phó Giám đốc Chi nhánh. Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.	Ứng dụng VBA, xây dựng tool lọc dữ liệu hỗ trợ tính toán bình sai lưới độ cao hạng I, II quốc gia Việt Nam	Hiệu quả áp dụng - Về thời gian: Khi áp dụng sáng kiến vào nội dung hạng mục công việc đo đạc, tính toán bình sai mạng lưới độ cao hạng I, II quốc gia, đảm bảo độ chính xác trong quá trình load dữ liệu đầu vào, thời gian xử lý nhanh, giảm ngày công lao động, cụ thể 3 ngày công lao động, tăng năng suất lao động. - Về chất lượng sản phẩm: Thực hiện đồng bộ, tự động hóa, tránh sai sót thô do nhập liệu thủ công. - Về uy tín: Sản phẩm đáp ứng đúng tiến độ. Công ty giao nộp sản phẩm đúng thời hạn, theo Hợp đồng đã ký kết. Qua đó đảm bảo uy tín và nâng cao thương hiệu cho Công ty. Phạm vi ảnh hưởng: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.